



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Giá thông thường	
				Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1	3711Z	TRIMMER(6.35MM/1/4")	MÂY ĐÁNH CÀNH(6.35MM/1/4")	2.597.400	8%
2	4131	METAL CUTTER(185MM)	MÂY CẮT KIM LOẠI(185MM)	10.285.920	8%
3	4327	JIG SAW	MÂY CUA LONG	2.223.720	8%
4	4328	JIG SAW	MÂY CUA LONG	2.415.960	8%
5	6412	DRILL(10MM)	MÂY KHOAN(10MM)	1.728.000	8%
6	6413	DRILL(10MM)	MÂY KHOAN(10MM)	1.749.600	8%
7	6501	HIGH SPEED DRILL(6.5MM)	MÂY KHOAN TỐC ĐỘ CAO(6.5MM)	2.959.200	8%
8	6906	IMPACT WRENCH(19MM)	MÂY SIẾT BULONG(19MM)	17.759.520	8%
9	6952	IMPACT DRIVER	MÂY BÁT VÍT	7.372.080	8%
10	9032	BELT SANDER(9MMX533MM)	MÂY CHÀ NHAM VÒNG(9MMX533MM)	6.170.040	8%
11	9403	BELT SANDER(100MMX610MM)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG(100MMX610MM)	9.832.320	8%
12	9741	WHEEL SANDER(100MMX120MM)	MÂY CHÀ NHAM(100MMX120MM)	12.372.480	8%
13	9910	BELT SANDER(76MMX457MM)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG(76MMX457MM)	4.582.440	8%
14	1805N	POWER PLANER(155MM)	MÂY BẠO(155MM)	15.468.840	8%
15	1911B	POWER PLANER(110MM)	MÂY BẠO(110MM)	9.650.880	8%
16	2012NB	PLANER(304MM)	MÂY BẠO(304MM)	26.241.840	8%
17	2107FK	PORTABLE BAND SAW(120MMX120MM)	MÂY CUA VÒNG(120MMX120MM)	15.128.640	8%
18	2704N	TABLE SAW(260MM)	MÂY CUA BÀN(260MM)	31.957.200	8%
19	4100KB	DUSTLESS CUTTER(125MM)	MÂY CÁT ĐÁ(GẠCH)(125MM)	3.902.040	8%
20	4100NH	CUTTER(110 MM)	MÂY CÁT ĐÁ(GẠCH)(108MM)	2.982.960	8%
21	4100NH2	CUTTER(110-125MM)	MÂY CÁT ĐÁ(GẠCH)(110-125MM)	3.436.560	8%
22	4100NH3	CUTTER(110MM)	MÂY CÁT ĐÁ(GẠCH)(108MM)	2.538.000	8%
23	4107R	CUTTER(180MM)	MÂY CÁT ĐÁ(GẠCH)(180MM)	13.949.280	8%
24	4112HS	ANGLE CUTTER(305MM)	MÂY CÁT GÓC(305MM)	20.390.400	8%
25	4114S	ANGLE CUTTER(355MM)	MÂY CÁT GÓC(355MM)	19.017.720	8%
26	4350CT	JIG SAW	MÂY CUA LONG	5.228.280	8%
27	5806B	CIRCULAR SAW(185MM)	MÂY CUA Đĩa(185MM)	3.769.200	8%
28	6905H	IMPACT WRENCH(12.7MM)	MÂY SIẾT BULONG(12.7MM)	10.411.200	8%
29	6922NB	SHEAR WRENCH	MÂY SIẾT CẮT BULONG	58.186.080	8%
30	6924N	SHEAR WRENCH	MÂY SIẾT CẮT BULONG	80.412.480	8%
31	9035H	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	1.985.040	8%
32	9237C	POLISHER(180MM)	MÂY ĐANH BÔNG(180MM)	7.959.600	8%
33	9500NB	ANGLE GRINDER(100MM/570W/TOGGLE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/570W/CÔNG TẮC DỪNG)	3.564.000	8%
34	9553B	ANGLE GRINDER(100MM/710W/TOGGLE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/710W/CÔNG TẮC DỪNG)	1.652.400	8%
35	9553NB	ANGLE GRINDER(100MM/710W/SLIDE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/710W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.652.400	8%
36	9556HB	ANGLE GRINDER(100MM/840W/TOGGLE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/840W/CÔNG TẮC DỪNG)	1.987.200	8%
37	9556HN	ANGLE GRINDER(100MM/840W/SLIDE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/840W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.987.200	8%
38	9556HP	ANGLE GRINDER(100MM/840W/PADDLE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(100MM/840W/CÔNG TẮC BÓP)	2.052.000	8%
39	9558HN	ANGLE GRINDER(125MM/840W/SLIDE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(125MM/840W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	2.095.200	8%
40	9565VVR	ANGLE GRINDER(125MM/1400W/SLIDE SWITCH)	MÂY MÀI GÓC(125MM/1400W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	4.491.720	8%
41	9924DB	BELT SANDER(76MMX457MM)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG(76MMX457MM)	8.483.400	8%
42	AC001GZ	CORDESS AIR COMPRESSOR(BL)(40V MAX)	MÂY NÉN KHÍ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	13.745.160	8%
43	AF201Z	PIN NAILER	MÂY BÀN DINH DÙNG HƠI	2.688.120	8%
44	AF301Z	PNEUMATIC NAILER	MÂY BÀN DINH DÙNG HƠI	1.316.520	8%
45	AF353	PNEUMATIC PIN NAILER	MÂY BÀN DINH DÙNG HƠI	3.255.120	8%
46	AF504Z	PNEUMATIC BRAD NAILER	MÂY BÀN DINH DÙNG HƠI	1.634.040	8%
47	AS001GZ01	CORDESS DUST BLOWER(BL)(40V MAX)	MÂY THỔI BỤI DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	6.510.240	8%
48	AT1022AZ	PNEUMATIC STAPLER	MÂY BÀN GHIM DÙNG HƠI	1.384.560	8%
49	AT1422AZ	PNEUMATIC STAPLER	MÂY BÀN GHIM DÙNG HƠI	1.407.240	8%
50	BO3710	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	1.987.200	8%
51	BO3711	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	2.393.280	8%
52	BO4510H	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	1.814.400	8%
53	BO4557	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	2.041.200	8%
54	BO4558	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	2.529.360	8%
55	BO4565	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	2.442.760	8%
56	BO4901	FINISHING SANDER	MÂY CHÀ NHAM RUNG	6.056.640	8%
57	BO5041	RANDOM ORBIT SANDER	MÂY CHÀ NHAM QUỠ ĐẠO	3.924.720	8%
58	BO6030	RANDOM ORBIT SANDER	MÂY CHÀ NHAM QUỠ ĐẠO	5.541.480	8%
59	BS001GZ01	CORDESS BELT SANDER(76MM X 533MM/BL/AWS)(40V MAX)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG DÙNG PIN(76MM X 533MM/BL/AWS)(40V MAX)	10.955.520	8%
60	CAS000X	ALUMINUM GROOVE CUTTER(118MM)	MÂY CẮT Rãnh HOP KIM NHỎ(118MM)	13.495.680	8%
61	CC300DZ	CORDESS CUTTER(85MM)(10.8V)	MÂY CÁT DÙNG PIN(85MM)(10.8V)	3.088.800	8%
62	CC301DSVE	CORDESS CUTTER(85MM)(12V MAX)	MÂY CÁT DÙNG PIN(12V MAX)	5.784.480	8%
63	CC301DZ	CORDESS CUTTER(85MM)(12V MAX)	MÂY CÁT DÙNG PIN(12V MAX)	3.471.120	8%
64	CE001GZ01	CORDESS POWER CUTTER(355MM/BL)(40V MAX)	MÂY CÁT BÊ TỔNG DÙNG PIN(355MM/BL)(40V MAX)	26.003.160	8%
65	CE002GZ	CORDESS POWER CUTTER(355MM/AWS/BL)(40V MAXX2)	MÂY CÁT BÊ TỔNG DÙNG PIN(355MM/AWS/BL)(40V MAXX2)	34.246.800	8%
66	CE003GZ01	CORDESS POWER CUTTER(230MM/BL)(40V MAX)	MÂY CÁT BÊ TỔNG DÙNG PIN(230MM/BL)(40V MAX)	21.081.600	8%
67	CE004GZ	CORDESS POWER CUTTER(305MM/BL)(40V MAX)	MÂY CÁT BÊ TỔNG DÙNG PIN(305MM/BL)(40V MAX)	17.079.120	8%
68	CF001GZ	CORDESS FAN(235MM)(40V MAX)	QUẠT DÙNG ĐIỆN VÀ PIN(235MM)(40V MAX)	3.924.720	8%
69	CF002GZ	CORDESS FAN(330MM)(40V MAX/AC)	QUẠT DÙNG ĐIỆN VÀ PIN(330MM)(40V MAX/AC)	4.729.320	8%
70	CF004GZ	CORDESS FAN(450MM)(40V MAX/18V/AC)	QUẠT DÙNG ĐIỆN VÀ PIN(450MM)(40V MAX/18V/AC)	13.745.160	8%
71	CF100DZ	CORDESS FAN(12V MAX)	QUẠT DÙNG PIN(12V MAX)	1.611.360	8%
72	CF101DZ	CORDESS FAN(12V MAX)	QUẠT DÙNG PIN(12V MAX)	2.291.760	8%
73	CG100DZA	CORDESS CAULKING GUN(12V MAX)	SUNG BÀN SILICON DÙNG PIN(12V MAX)	6.396.840	8%
74	CG100DZB	CORDESS CAULKING GUN(12V MAX)	SUNG BÀN SILICON DÙNG PIN(12V MAX)	6.646.320	8%
75	CL001GZ18	CORDESS CLEANER(BL/BLACK HEPA FILTER/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU ĐEN/BO LỌC HEPA/BL)(40V MAX)	5.205.600	8%
76	CL001GZ19	CORDESS CLEANER(WHITE/HEPA FILTER/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU TRẮNG/BO LỌC HEPA/BL)(40V MAX)	5.205.600	8%
77	CL002GZ01	CORDESS CLEANER(BL/BLACK/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU XANH/BL)(40V)	5.149.400	8%
78	CL002GZ03	CORDESS CLEANER(BL/BLACK/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU ĐEN/BL)(40V)	5.205.600	8%
79	CL002GZ07	CORDESS CLEANER(WHITE/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU TRẮNG/BL)(40V)	5.205.600	8%
80	CL003GZ09	CORDESS CLEANER(BL/BLACK/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU ĐEN/BL)(40V)	5.568.480	8%
81	CL003GZ14	CORDESS CLEANER(SNOW WHITE/BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(MAU TRẮNG TUYẾT/BL)(40V)	5.568.480	8%
82	CL004GZ	CORDESS CLEANER(BL)(40V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(BL)(40V)	7.372.080	8%
83	CL100DZ	CORDESS CLEANER(18V)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(10.8V)	3.260.800	8%
84	CL106FDSW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	3.516.480	8%
85	CL106FDWY	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	2.926.800	8%
86	CL106FDWYW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	2.926.800	8%
87	CL106FDZ	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	1.407.240	8%
88	CL106FDZW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	1.407.240	8%
89	CL107FDSW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	4.082.400	8%
90	CL107FDWY	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	3.267.000	8%
91	CL107FDZW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	3.267.000	8%
92	CL107FDZW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	1.883.520	8%
93	CL108FDSAP	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	3.586.680	8%
94	CL108FDSW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	4.174.200	8%
95	CL108FDZ	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	2.019.600	8%
96	CL108FDZW	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	2.041.200	8%
97	CL117FDX1	CORDESS CLEANER(BLUE CAPSULE)(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHOANG CHỨA BỤI MAU XANH DA TRỎY)(12V MAX)	3.493.800	8%
98	CL117FDX4	CORDESS CLEANER(GREEN CAPSULE)(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHOANG CHỨA BỤI MAU XANH LA CAY)(12V MAX)	3.493.800	8%
99	CL117FDX7	CORDESS CLEANER(PURPLE CAPSULE)(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHOANG CHỨA BỤI MAU Tím)(12V MAX)	3.493.800	8%
100	CL121DZ	CORDESS CLEANER(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(12V MAX)	3.232.440	8%
101	CL183DZ	CORDESS CLEANER(18V)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	1.475.280	8%
102	CL200FDSA	CORDESS CLEANER(RL)(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(BL)(12V MAX)	5.875.200	8%
103	CL200FDZ	CORDESS CLEANER(RL)(12V MAX)	MÂY HÚT BỤI DÙNG PIN(BL)(12V MAX)	2.916.000	8%
104	CL2124S	COMBO KIT(TD110D+DF33D+BL1016*2+DC10SB+TOOL BAG)(12V MAX)	BỘ SAN PHAM(TD110D+DF33D+BL1016*2+DC10SB+TUI XACH)(12V MAX)	5.346.000	8%
105	CL21258X1	COMBO KIT(TD110D+DF33D+BL1016*2+DC10SB+MUL TI TOOL SET+TOOL BAG)(12V MAX)	BỘ SAN PHAM(TD110D+DF33D+BL1016*2+DC10SB+BO PHU KIEM MAY ĐANG+TUI XACH)(12V MAX)	5.346.000	8%
106	CL2128S	COMBO KIT(HP33D+TD110D+BL1016*2+DC10SB+TOOL BAG)(12V MAX)	BỘ SAN PHAM(HP33D+TD110D+BL1016*2+DC10SB+TUI XACH)(12V MAX)	5.626.800	8%
107	CP100DZ	CORDESS MULTI CUTTER(12V MAX)	MÂY CẮT ĐA NĂNG DÙNG PIN(12V MAX)	1.611.360	8%
108	CS002GZ01	CORDESS METAL CUTTER(185MM/BL)(40V MAX)	MÂY CẮT KIM LOẠI DÙNG PIN(185MM/BL)(40VMAX)	16.840.400	8%
109	CW001GZ01	CORDESS COOLER & WARMER BOX(20L)(40V/18V/AC)	MÂY LAM MÁT VÀ AM DÙNG PIN(20L)(40V/18V/AC)	22.906.800	8%
110	CW002GZ01	CORDESS COOLER & WARMER BOX(50L)(40V/18V/AC)	MÂY LAM MÁT VÀ AM DÙNG PIN(50L)(40V/18V/AC)	35.392.680	8%
111	CW003GZ01	CORDESS COOLER & WARMER BOX(7L)(40V/18V/AC)	MÂY LAM MÁT VÀ AM DÙNG PIN(7L)(40V/18V/AC)	23.145.480	8%
112	CW004GZ	CORDESS COOLER & WARMER BOX(25L)(40V MAX/18V/AC)	MÂY LAM MÁT VÀ AM DÙNG PIN(25L)(40V MAX/18V/AC)	28.634.040	8%
113	DA001GZ	CORDESS ANGLE DRILL(BL)(40V MAX)	MÂY KHOAN GÓC(BL)(40V MAX)	17.759.520	8%
114	DA3010	ANGLE DRILL(10MM)	MÂY KHOAN GÓC	7.791.120	8%
115	DA332DZ	CORDESS ANGLE DRILL(12V MAX)	MÂY KHOAN GÓC(12V MAX)	2.756.160	8%
116	DA333DZ	CORDESS ANGLE DRILL(12V MAX)	MÂY KHOAN GÓC(12V MAX)	2.461.320	8%
117	DA5180Z	CORDESS DUST BLOWER(BL)(18V)	MÂY THỔI BỤI DÙNG PIN(BL)(18V)	5.319.000	8%
118	DB0180Z	CORDESS RANDOM ORBIT SANDER(18V)	MÂY CHÀ NHAM QUỠ ĐẠO TRON DÙNG PIN(18V)	4.430.520	8%
119	DB0380Z	CORDESS FINISHING SANDER(93X185MM/BL)(18V)	MÂY CHÀ NHAM RUNG DÙNG PIN(93X185MM/BL)(18V)	3.903.888MM(BL)(18V)	8%
120	DB0381Z	CORDESS FINISHING SANDER(93X185MM/AWS/BL)(18V)	MÂY CHÀ NHAM RUNG DÙNG PIN(93X185MM/AWS/BL)(18V)	4.378.320	8%
121	DB0480Z	CORDESS FINISHING SANDER(RESIN BASE/HOOK & LOOP)(18V)	MÂY CHÀ NHAM RUNG DÙNG PIN(ĐE NHU/ALOẠI GAY)(18V)	3.028.320	8%
122	DB0481Z	CORDESS FINISHING SANDER(RESIN BASE/CLAMP)(18V)	MÂY CHÀ NHAM RUNG DÙNG PIN(ĐE NHU/ALOẠI KEPY)(18V)	2.801.520	8%
123	DB0482Z	CORDESS FINISHING SANDER(ALUMINIUM BASE/CLAMP)(18V)	MÂY CHÀ NHAM RUNG DÙNG PIN(ĐE NHOM/LOẠI KEPY)(18V)	2.914.920	8%
124	DBS180RTJ	CORDESS BELT SANDER(9MM X 533MM/BL)(18V)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG DÙNG PIN(9MM X 533MM/BL)(18V)	14.040.000	8%
125	DBS180Z	CORDESS BELT SANDER(9MM X 533MM/BL)(18V)	MÂY CHÀ NHAM BĂNG DÙNG PIN(9MM X 533MM/BL)(18V)	8.120.520	8%
126	DC200RTE	CORDESS CUTTER(125MM/AWS/BL)(18V)	MÂY CÁT DÙNG PIN(125MM/AWS/BL)(18V)	12.744.000	8%
127	DC500Z	CORDESS CUTTER(125MM/AWS/BL)(18V)	MÂY CÁT DÙNG PIN(125MM/AWS/BL)(18V)	5.657.760	8%
128	DE0902X2	CORDESS POWER CUTTER(230MM/BL)(18VX2)	MÂY CÁT BÊ TỔNG DÙNG PIN(230MM/BL)(18VX2)	19.958.400	8%
129	DCF102Z	CORDESS FAN(180MM)(18V)	QUẠT DÙNG PIN(180MM)(18V)	2.688.120	8%
130	DCF201Z	CORDESS FAN(250MM)(18V/14.4V)	QUẠT DÙNG PIN VÀ ĐIỆN(250MM)(18V/14.4V)	2.892.240	8%
131	DCF203Z	CORDESS FAN(235MM)(18V)	QUẠT DÙNG PIN VÀ ĐIỆN(235MM)(18V)	3.607.200	8%
132	DCF301Z	CORDESS FAN(330MM)(18V/14.4V/AC)	QUẠT DÙNG PIN(330MM)(18V/14.4V/AC)	4.536.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
133	DCG180Z	CORDLESS CAULKING GUN(18V)	SÚNG BẮN SILICON DÙNG PIN(18V)	6.396.840	8%
134	DCG180ZB	CORDLESS CAULKING GUN(18V)	SÚNG BẮN SILICON DÙNG PIN(18V)	7.246.800	8%
135	DCL180FRFW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	6.238.080	8%
136	DCL180FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	1.860.840	8%
137	DCL180KT	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	4.536.000	8%
138	DCL180ZB	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	1.771.200	8%
139	DCL182FRFW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	6.759.720	8%
140	DCL182FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	2.370.600	8%
141	DCL182SYW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	4.605.120	8%
142	DCL182Z	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	2.246.400	8%
143	DCL182ZB	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	2.268.000	8%
144	DCL184Z	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	3.561.840	8%
145	DCL281FZW	CORDLESS CLEANER(HEPA)BL(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(HEPA)BL(18V)	4.060.800	8%
146	DCL282FZW	CORDLESS CLEANER(HEPA)BL(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(HEPA)BL(18V)	4.015.440	8%
147	DCL284FZB	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	4.956.120	8%
148	DCL284FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	4.956.120	8%
149	DCL285FZB	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	5.182.920	8%
150	DCL285FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	5.182.920	8%
151	DCL286FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	5.693.760	8%
152	DCL286FZW	CORDLESS CLEANER(18V)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(18V)	5.693.760	8%
153	DCO181RT	CORDLESS CUT-OUT TOOL(BL)(18V)	MÁY CẮT THẠCH CAO DÙNG PIN(BL)(18V)	12.599.280	8%
154	DCO181Z	CORDLESS CUT-OUT TOOL(BL)(18V)	MÁY CẮT THẠCH CAO DÙNG PIN(BL)(18V)	5.896.800	8%
155	DCS232T	PETROL CHAIN SAW(22.2MM/250MM/2ST/91PX)	MÁY CỬA XÍCH CHẠY XĂNG(22.2MM/250MM/2 TH/91PX)	6.351.480	8%
156	DCS550Z	CORDLESS METAL CUTTER(136MM)(18V)	MÁY CẮT KIM LOẠI DÙNG PIN(136MM)(18V)	4.854.600	8%
157	DCS551Z	CORDLESS METAL CUTTER(150MM)BL(18V)	MÁY CẮT KIM LOẠI DÙNG PIN(150MM)BL(18V)	7.292.160	8%
158	DCSS53Z	CORDLESS METAL CUTTER(150MM)BL(18V)	MÁY CẮT KIM LOẠI DÙNG PIN(150MM)BL(18V)	7.382.880	8%
159	DCU180Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(BL)(18V)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG THÙNG)BL(18V)	9.163.800	8%
160	DCU601Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(FLAT CARRIER/ELECTRIC LIFT)BL(X18VX2)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG KHUNG ĐÈ BANG-TU/ ĐỘNG NÀNG HA)BL(X18VX2)	181.072.800	8%
161	DCU602Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(BUCKET/ELECTRIC DUMP)BL(X18VX2)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG THÙNG-TU/ ĐỘNG NGHIÊNG ĐỒ)BL(X18VX2)	181.072.800	8%
162	DCU603Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(BUCKET)BL(X18VX2)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG THÙNG)BL(X18VX2)	152.712.000	8%
163	DCU604Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(FRAME CARRIER)BL(X18VX2)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG KHUNG)BL(X18VX2)	147.258.000	8%
164	DCU605Z	CORDLESS POWERED WHEELBARROW(FLAT BUCKET)BL(X18VX2)	XE VAN CHUYỀN HÀNG HOA DÙNG PIN(DANG THÙNG ĐỀ BANG)BL(X18VX2)	137.440.800	8%
165	DCX201AL	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE L WITH BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE L VỚI BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	9.163.800	8%
166	DCX201AM	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE M WITH BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE M VỚI BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	9.163.800	8%
167	DCX201AS	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE S WITH BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE S VỚI BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	9.163.800	8%
168	DCX201AXL	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE XL WITH BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE XL VỚI BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	9.163.800	8%
169	DCX201AXS	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE XS WITH BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE XS VỚI BL1055B(18V/14.4V/12V MAX)	9.163.800	8%
170	DCX201BM	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE M WITH BATTER HOLDER(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE M VỚI BÔ GIỮ PIN(18V/14.4V/12V MAX)	6.147.360	8%
171	DCX201BS	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE S WITH BATTER HOLDER(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE S VỚI BÔ GIỮ PIN(18V/14.4V/12V MAX)	6.147.360	8%
172	DCX201BXS	BATTERY HEATED BASE LAYER SHIRT SIZE XS WITH BATTER HOLDER(18V/14.4V/12V MAX)	AO LAM AM DAI TAY DÙNG PIN SIZE XS VỚI BÔ GIỮ PIN(18V/14.4V/12V MAX)	6.147.360	8%
173	DDA450Z	CORDLESS ANGLE DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN GÓC DÙNG PIN(BL)(18V)	8.279.280	8%
174	DDA450Z	CORDLESS ANGLE DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN GÓC DÙNG PIN(BL)(18V)	7.972.560	8%
175	DDA460ZK	CORDLESS ANGLE DRILL(BL)(18Vx2)	MÁY KHOAN GÓC DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	16.217.280	8%
176	DDF083Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.277.800	8%
177	DDF453SYE	CORDLESS DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	7.088.040	8%
178	DDF453Z	CORDLESS DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	1.838.160	8%
179	DDF482RFE	CORDLESS DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	9.265.320	8%
180	DDF482Z	CORDLESS DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	2.869.560	8%
181	DDF484RFE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	10.195.200	8%
182	DDF484RTE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	12.372.480	8%
183	DDF484Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.855.600	8%
184	DDF485SFE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	8.755.560	8%
185	DDF485Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.028.320	8%
186	DDF486RTE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	14.889.960	8%
187	DDF486Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	6.737.040	8%
188	DDF487RFJ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	9.469.440	8%
189	DDF487Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.096.360	8%
190	DDF489RTJ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	13.631.760	8%
191	DDF489Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	5.625.720	8%
192	DDF490Z	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	2.700.000	8%
193	DDG460Z24	CORDLESS EARTH AUGER(BL)(18Vx2)	MÁY KHOAN ĐÁT DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	16.897.680	8%
194	DDP001GM201	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	21.887.200	8%
195	DF001GZ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	7.995.240	8%
196	DF002GA201	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	12.724.560	8%
197	DF002GD201	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	16.953.840	8%
198	DF003GZ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	5.024.160	8%
199	DF003GZ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	8.891.640	8%
200	DF012DSE	CORDLESS DRIVER DRILL(7.2V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(7.2V)	5.092.200	8%
201	DF012DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(7.2V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(7.2V)	2.506.680	8%
202	DF030D	DRIVER DRILL(10MM)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT(10MM)	3.512.160	8%
203	DF030DWE	CORDLESS DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(10.8V)	3.436.560	8%
204	DF030DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(10.8V)	1.475.280	8%
205	DF032DSAE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(12V MA	6.306.120	8%
206	DF032DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(12V MA	3.073.680	8%
207	DF033DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	1.497.960	8%
208	DF330DWE	CORDLESS DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(10.8V)	3.312.360	8%
209	DF330DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(10.8V)	1.611.360	8%
210	DF332DSAE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(12V MAX)	6.056.640	8%
211	DF332DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(BL)(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(12V MAX)	3.209.760	8%
212	DF333DSAE	CORDLESS DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	4.820.040	8%
213	DF333DSYE	CORDLESS DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	4.082.400	8%
214	DF333DZ	CORDLESS DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	1.497.960	8%
215	DF480DWE	CORDLESS DRIVER DRILL(BL1820G*2-DC18WA)(18V)	MÁY KHOAN VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL1820G*2-DC18WA)(18V)	4.555.640	8%
216	DFJ214AL	CORDLESS FAN JACKET SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	AO KHOÁC LAM MAT DÙNG PIN SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	5.702.400	8%
217	DFJ214CL	CORDLESS FAN JACKET SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	AO KHOÁC LAM MAT DÙNG PIN SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	5.702.400	8%
218	DFJ214CM	CORDLESS FAN JACKET SIZE M(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	AO KHOÁC LAM MAT DÙNG PIN SIZE M(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	5.702.400	8%
219	DFN350Z	CORDLESS BRAD NAILER(35MM)(18V)	MÁY BẮN DINH DÙNG PIN(35MM)(18V)	12.951.360	8%
220	DFR452Z	CORDLESS AUTO FEED SCREWDRIVER(BL)(18V)	MÁY VÁN VÍT CUỘN DÙNG PIN(BL)(18V)	9.752.400	8%
221	DFR551Z	CORDLESS AUTO FEED SCREWDRIVER(18V)	MÁY VÁN VÍT CUỘN DÙNG PIN(18V)	9.979.200	8%
222	DFS251Z	CORDLESS SCREWDRIVER(BL)(18V)	MÁY VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	6.974.640	8%
223	DFS452Z	CORDLESS SCREWDRIVER(18V)	MÁY VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	6.974.440	8%
224	DFV210AL	CORDLESS FAN VEST SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	AO KHOÁC KHÔNG TAY LAM MAT DÙNG PIN SIZE L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	4.363.200	8%
225	DFV214A01	CORDLESS FAN VEST SIZE S-L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	AO KHOÁC KHÔNG TAY LAM MAT DÙNG PIN SIZES-L(BL)(18V/14.4V/12V MAX)	3.780.000	8%
226	DG001GZ02	CORDLESS EARTH AUGER(BL)(40V MAX)	MÁY KHOAN ĐÁT DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	18.576.000	8%
227	DGA402RME	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(18V)	10.479.240	8%
228	DGA402RT	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(18V)	6.350.400	8%
229	DGA400Z2	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(18V)	3.141.720	8%
230	DGA404RTJ2	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	13.517.280	8%
231	DGA4404Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	5.365.440	8%
232	DGA406RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	13.693.320	8%
233	DGA406Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	5.564.160	8%
234	DGA408RTJ1	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(BL)(18V)	14.322.960	8%
235	DGA408ZX1	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(BL)(18V)	5.943.240	8%
236	DGA414RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(AWS)BL(18V)	15.015.240	8%
237	DGA414Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)SLIDE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(AWS)BL(18V)	3.028.320	8%
238	DGA418RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(AWS)BL(18V)	15.242.040	8%
239	DGA418Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(AWS)BL(18V)	6.951.960	8%
240	DGA419RTJ	CORDLESS GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(X-LOCK)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(X-LOCK)BL(18V)	13.555.440	8%
241	DGA419Z	CORDLESS GRINDER(100MM)PADDLE SWITCH(X-LOCK)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(100MM)CÔNG TÁC BƠP(X-LOCK)BL(18V)	7.088.040	8%
242	DGA506RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	13.803.480	8%
243	DGA506Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)SLIDE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC TRƯỢT(BL)(18V)	5.706.720	8%
244	DGA508RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)PADDLE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC BƠP(BL)(18V)	14.549.760	8%
245	DGA508Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)PADDLE SWITCH(BL)(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC BƠP(BL)(18V)	6.079.320	8%
246	DGA518RTE	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)PADDLE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC BƠP(AWS)BL(18V)	15.242.040	8%
247	DGA518Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(125MM)PADDLE SWITCH(AWS)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC BƠP(AWS)BL(18V)	7.133.400	8%
248	DGA519Z	CORDLESS GRINDER(125MM)PADDLE SWITCH(X-LOCK)BL(18V)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(125MM)CÔNG TÁC BƠP(X-LOCK)BL(18V)	7.518.960	8%
249	DGA700Z	CORDLESS ANGLE GRINDER(180MM)TRIGGER SWITCH(BL)(18Vx2)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN(180MM)CÔNG TÁC BƠP(BL)(18Vx2)	7.757.640	8%
250	DDG800Z	CORDLESS DIE GRINDER(SMM)(18V)	MÁY MÀI KHUÔN DÙNG PIN(SMM)(18V)	3.051.000	8%
251	DDG801Z	CORDLESS DIE GRINDER(SMM)(18V)	MÁY MÀI KHUÔN DÙNG PIN(SMM)(18V)	3.028.320	8%
252	DGP180KT	CORDLESS GREASE GUN(18V)	MÁY BƠM MỖ DÙNG PIN(18V)	13.745.160	8%
253	DGP180Z	CORDLESS GREASE GUN(18V)	MÁY BƠM MỖ DÙNG PIN(18V)	8.982.360	8%
254	DHG180ZK	CORDLESS HEAT GUN(550°C)(18V)	MÁY THỔI NÓNG DÙNG PIN(550°C)(18V)	4.615.920	8%
255	DHG181ZK	CORDLESS HEAT GUN(~550°C)(18V)	MÁY THỔI NÓNG DÙNG PIN(~550°C)(18V)	5.160.240	8%
256	DHK180Z	CORDLESS POWER SCRAPER(BL)(18V)	MÁY CAO ĐÓNG LỤC DÙNG PIN(BL)(18V)	14.209.560	8%
257	DHP453Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	2.801.520	8%
258	DHP482RFE	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	9.800.360	8%
259	DHP482Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(18V)	3.584.520	8%
260	DHP484RFE	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	10.240.560	8%
261	DHP484RT	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	4.762.800	8%
262	DHP484RTE	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	12.769.920	8%
263	DHP484Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	4.242.240	8%
264	DHP485SFE	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	9.118.440	8%



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Giá thông thường	
				Retail price (W V A T)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
265	DHP485Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.323.160	8%
266	DHP486RTE	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	15.476.400	8%
267	DHP486Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)(V)	7.224.120	8%
268	DHP487RFJ	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	9.696.240	8%
269	DHP487Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.345.840	8%
270	DHP489RTJ	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	14.549.760	8%
271	DHP489Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	6.147.360	8%
272	DHP490SFX1	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	6.600.960	8%
273	DHP490Z	CORDLESS HAMMER DRIVER DRILL(BL)(18V)	MÁY KHOAN BÚA, VÁN VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	2.972.160	8%
274	DHR171RFJ	CORDLESS ROTARY HAMMER(SDS-PLUS SHANK/17MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/17MM/BL)(18V)	10.683.360	8%
275	DHR171Z	CORDLESS ROTARY HAMMER(SDS-PLUS SHANK/17MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/17MM/BL)(18V)	4.469.040	8%
276	DHR182RT1J	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/18MM/AWS/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/18MM/AWS/BL)(18V)	8.845.200	8%
277	DHR182RTJ	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/18MM/AWS/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/18MM/AWS/BL)(18V)	14.436.360	8%
278	DHR182Z	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/18MM/AWS/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/18MM/AWS/BL)(18V)	6.033.960	8%
279	DHR183RTWJ	CORDLESS ROTARY HAMMER(SDS-PLUS SHANK/18MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/18MM/BL)(18V)	17.419.320	8%
280	DHR183Z	CORDLESS ROTARY HAMMER(SDS-PLUS SHANK/18MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/18MM/BL)(18V)	6.510.240	8%
281	DHR202RT	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/20MM)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/20MM)(18V)	7.440.120	8%
282	DHR202SYE	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/20MM)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/20MM)(18V)	9.650.880	8%
283	DHR202Z	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/20MM)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/20MM)(18V)	4.752.000	8%
284	DHR241Z	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/24MM)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(SDS-PLUS SHANK/20MM)(18V)	15.015.240	8%
285	DHR242RME	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/24MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/24MM/BL)(18V)	18.326.520	8%
286	DHR242Z	CORDLESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/24MM/BL)(18V)	MÁY KHOAN BÉ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/24MM/BL)(18V)	11.828.160	8%
287	DHS660RFJ	CORDLESS CIRCULAR SAW(165MM/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ(165MM/BL)(18V)	12.588.480	8%
288	DHS660Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(165MM/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(165MM/BL)(18V)	6.782.400	8%
289	DHS661RFJ	CORDLESS CIRCULAR SAW(165MM/AWS/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ(165MM/AWS/BL)(18V)	13.608.000	8%
290	DHS661Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(165MM/AWS/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ(165MM/AWS/BL)(18V)	8.143.200	8%
291	DHS680RMJ	CORDLESS CIRCULAR SAW(235MM/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(165MM/BL)(18V)	14.742.000	8%
292	DHS680Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(165MM/BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(165MM/BL)(18V)	7.201.440	8%
293	DHS710RM2J	CORDLESS CIRCULAR SAW(190MM)(18VX2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(190MM)(18VX2)	14.436.360	8%
294	DHS710Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(190MM)(18VX2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(190MM)(18VX2)	7.473.600	8%
295	DHS783Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(185MM/AWS/BL)(18Vx2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(185MM/AWS/BL)(18Vx2)	10.886.400	8%
296	DHS900PT2	CORDLESS CIRCULAR SAW(235MM/AWS/BL)(18Vx2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(235MM/AWS/BL)(18Vx2)	20.520.000	8%
297	DHS900Z	CORDLESS CIRCULAR SAW(235MM/AWS/BL)(18VX2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(235MM/AWS/BL)(18VX2)	15.287.400	8%
298	DHS900ZU	CORDLESS CIRCULAR SAW(235MM/AWS/BL)(18VX2)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN(235MM/AWS/BL)(18VX2)	14.742.000	8%
299	DHW080ZK	BATTERY POWERED HIGH PRESSURE WASHER(BL)(18Vx2)	MÁY XÌT RỬA ÁP LỰC CAO DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	17.089.920	8%
300	DHW180Z01	CORDLESS PRESSURE WASHER(18V)	MÁY XÌT RỬA ÁP LỰC DÙNG PIN(18V)	4.446.360	8%
301	DJN161Z	CORDLESS NIBBLER(18V)	MÁY CẮT TÓN DÙNG PIN(18V)	10.751.400	8%
302	DJR183Z	CORDLESS RECIPRO SAW(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(18V)	2.892.240	8%
303	DJR185Z	CORDLESS RECIPRO SAW(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(18V)	2.733.480	8%
304	DJR186Z	CORDLESS RECIPRO SAW(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(18V)	4.752.000	8%
305	DJR187RTE	CORDLESS RECIPRO SAW(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(BL)(18V)	15.015.240	8%
306	DJR187Z	CORDLESS RECIPRO SAW(BL)(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(BL)(18V)	6.974.640	8%
307	DJR188Z	SUB-COMPACT RECIPRO SAW(BL)(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(BL)(18V)	5.409.720	8%
308	DJR189Z	CORDLESS RECIPRO SAW(BL)(18V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN(BL)(18V)	5.659.200	8%
309	DJS161Z	CORDLESS STRAIGHT SHEAR(18V)	MÁY CẮT KIM LOẠI THANG DÙNG PIN(18V)	8.868.960	8%
310	DJV180Z	CORDLESS JIG SAW(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(18V)	6.720.840	8%
311	DJV181Z	CORDLESS JIG SAW(BL)(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(BL)(18V)	7.568.640	8%
312	DJV182Z	CORDLESS JIG SAW(BL)(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(BL)(18V)	7.723.080	8%
313	DJV184Z	CORDLESS JIG SAW(BL)(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(BL)(18V)	5.069.520	8%
314	DJV185Z	CORDLESS JIG SAW(BL)(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(BL)(18V)	5.659.200	8%
315	DJV186Z	CORDLESS JIG SAW(18V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN(18V)	2.133.000	8%
316	DKP180Z	CORDLESS PLANNER(18V)	MÁY BAO DÙNG PIN(18V)	5.839.560	8%
317	DKP181Z	CORDLESS PLANNER(AWS/BL)(18V)	MÁY BAO DÙNG PIN(AWS/BL)(18V)	8.017.920	8%
318	DKT350Z	CORDLESS KETTLE(18VX2)	ẤM DÙNG NƯỚC DÙNG PIN(18VX2)	6.873.120	8%
319	DLM160Z	CORDLESS LAWN MOWER(160MM)(18V)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(160MM)(18V)	5.746.480	8%
320	DLM230SF	CORDLESS LAWN MOWER(230MM)(18V)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(230MM)(18V)	10.411.200	8%
321	DLM230Z	CORDLESS LAWN MOWER(230MM)(18V)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(230MM)(18V)	7.576.200	8%
322	DLM432Z	CORDLESS LAWN MOWER(430MM)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(430MM)(18VX2)	10.002.960	8%
323	DLM460Z	CORDLESS LAWN MOWER(BL)(18Vx2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	16.273.440	8%
324	DLM462Z	CORDLESS LAWN MOWER(460MM/BL)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(460MM/BL)(18VX2)	30.391.200	8%
325	DLM481Z	CORDLESS LAWN MOWER(480MM)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(480MM)(18VX2)	20.741.400	8%
326	DLM530Z	CORDLESS LAWN MOWER(530MM/BL)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(530MM/BL)(18VX2)	36.083.200	8%
327	DLM532Z	CORDLESS LAWN MOWER(530MM/BL)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(530MM/BL)(18VX2)	32.535.000	8%
328	DLM533Z	CORDLESS LAWN MOWER(530MM/BL)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(530MM/BL)(18VX2)	37.922.040	8%
329	DLM538Z	CORDLESS LAWN MOWER(530MM)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(530MM)(18VX2)	16.444.080	8%
330	DLM539Z	CORDLESS LAWN MOWER(530MM)(18VX2)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN(530MM)(18VX2)	21.999.600	8%
331	DL5111ZU	CORDLESS SLIDE COMPOUND MITER SAW(AWS/BL)(18Vx2)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT DÙNG PIN(AWS/BL)(18Vx2)	26.944.920	8%
332	DL5211Z	SLIDE COMPOUND SAW(AWS/BL)(18Vx2)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT DÙNG PIN(AWS/BL)(18Vx2)	28.872.720	8%
333	DL5600Z	CORDLESS MITER SAW(BL)(18V)	MÁY CUA ĐÁ GÓC ĐE BÀN DÙNG PIN(BL)(18V)	20.571.840	8%
334	DLW140Z	CORDLESS PORTABLE CUT-OFF(BL)(18Vx2)	MÁY CẮT KIM LOẠI DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	10.751.400	8%
335	DMC300Z	CORDLESS COMPACT CUT OFF(76MM/BL)(18V)	MÁY CẮT DÙNG PIN(76MM/BL)(18V)	4.015.440	8%
336	DMP180Z	CORDLESS INFLATOR(18V)	MÁY BƠM HƠI DÙNG PIN(18V)	2.552.040	8%
337	DMP181Z	CORDLESS INFLATOR(18V)	MÁY BƠM HƠI DÙNG PIN(18V)	3.855.600	8%
338	DMR050	FLASHLIGHT RADIO(18V/14.4V)	RADIO CỎ ĐÈN DÙNG PIN(18V/14.4V)	3.585.600	8%
339	DMR055	CORDLESS RADIO WITH LANTERN(18V/14.4V)	RADIO KẾT HỢP ĐÈN LONG DÙNG PIN(18V/14.4V)	4.174.200	8%
340	DMR057	CORDLESS RADIO WITH LANTERN(18V/14.4V)	RADIO KẾT HỢP ĐÈN LONG DÙNG PIN(18V/14.4V)	5.343.200	8%
341	DMR203	CORDLESS JOB SITE SPEAKER(18V/14.4V/12V MAX/AC)	LOA CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN VÀ ĐIỆN(18V/14.4V/12V MAX/AC)	10.932.840	8%
342	DMR300	JOB SITE CHARGER RADIO(18V/14.4V/12V MAX/AC)	RADIO CÔNG TRƯỜNG CỎ CHỨC NĂNG SÀC DÙNGPIN VÀ ĐIỆN(18V/14.4V/12V MAX/AC)	10.932.840	8%
343	DP2010	HIGH SPEED DRILL(6.5MM)	MÁY KHOAN TỐC ĐỘ CAO(6.5MM)	1.747.440	8%
344	DP4010	HIGH SPEED DRILL(13MM)	MÁY KHOAN TỐC ĐỘ CAO(13MM)	4.082.400	8%
345	DP4020	DRILL(13MM)	MÁY KHOAN(13MM)	2.138.400	8%
346	DP4021	DRILL(13MM)	MÁY KHOAN(13MM)	2.214.000	8%
347	DPB180ZK	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(120X120MM)(18V)	MÁY CUA VÒNG DÙNG PIN(120X120MM)(18V)	15.468.840	8%
348	DPB182Z	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(6X66MM)(18V)	MÁY CUA VÒNG DÙNG PIN(6X66MM)(18V)	9.480.640	8%
349	DPB183RTE	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(6X66MM/BL)(18V)	MÁY CUA VÒNG DÙNG PIN(6X66MM/BL)(18V)	17.646.120	8%
350	DPB183Z	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(6X66MM/BL)(18V)	MÁY CUA VÒNG DÙNG PIN(6X66MM/BL)(18V)	9.877.680	8%
351	DPB184Z	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(51X51MM/BL)(18V)	MÁY CUA VÒNG DÙNG PIN(51X51MM/BL)(18V)	9.469.440	8%
352	DPJ180RFE	CORDLESS PLATE JOINER(18V)	MÁY GHEP MÔNG DÙNG PIN(18V)	11.232.000	8%
353	DPJ180Z	CORDLESS PLATE JOINER(18V)	MÁY GHEP MÔNG DÙNG PIN(18V)	6.873.120	8%
354	DPO500RTE	CORDLESS RANDOM ORBIT POLISHER(BL)(18V)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(BL)(18V)	17.463.600	8%
355	DPO500Z	CORDLESS RANDOM ORBIT POLISHER(BL)(18V)	MÁY ĐANH BONG QUÍT ĐẠO TRON DÙNG PIN(BL)(18V)	10.932.840	8%
356	DP200ZK	CORDLESS HOE PUNCHER(18V)	MÁY ĐỘT LÒ THUY LÚC DÙNG PIN(18V)	79.380.000	8%
357	DP3153Z	CORDLESS PIN NAILER (18V)	MÁY BÀN DINH DÙNG PIN (18V)	8.982.360	8%
358	DPV300RTJ	CORDLESS SANDER POLISHER(18V)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(18V)	14.061.600	8%
359	DPV300Z	CORDLESS SANDER POLISHER(18V)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(18V)	7.360.200	8%
360	DRC200Z	ROBOTIC CLEANER(18V)	MÁY HỤT BỤI ROBOT DÙNG PIN(BL)(18V)	33.930.360	8%
361	DRC300Z	ROBOTIC CLEANER(BL)(18V)	MÁY HỤT BỤI ROBOT DÙNG PIN(BL)(18V)	68.720.400	8%
362	DRT50Z	CORDLESS TRIMMER(6.35MM/14"9.5MM/3/8"BL)(18V)	MÁY ĐANH CÀNH DÙNG PIN(6.35MM/14"9.5MM/3/8"BL)(18V)	5.046.840	8%
363	DRT52Z	CORDLESS TRIMMER(6.35MM/14"9.5MM/3/8"BL)(18V)	MÁY ĐANH CÀNH DÙNG PIN(6.35MM/14"9.5MM/3/8"BL)(18V)	4.469.040	8%
364	DRV150Z	CORDLESS RIVETER(BL)(18V)	MÁY TÁN DINH RIVET DÙNG PIN(BL)(18V)	30.312.360	8%
365	DRV250Z	CORDLESS RIVETER(BL)(18V)	MÁY TÁN DINH DÙNG PIN(BL)(18V)	30.312.360	8%
366	DS5000	DRILL(16MM)	MÁY KHOAN(16MM)	8.732.880	8%
367	DSC102Z	CORDLESS THREADED ROD CUTTER(BL)(18V-14.4V)	MÁY CẮT SẮT REN DÙNG PIN(BL)(18V-14.4V)	17.180.640	8%
368	DSC121ZK	CORDLESS THREADED ROD CUTTER(BL)(18V)	MÁY CẮT SẮT REN DÙNG PIN(BL)(18V)	62.654.040	8%
369	DSC163ZK	CORDLESS STEEL ROD CUTTER(BL)(18V)	MÁY CHAN SẮT DÙNG PIN(BL)(18V)	73.880.640	8%
370	DSC191Z	STEEL ROD CUTTER(18V)	MÁY CHAN SẮT DÙNG PIN(18V)	70.331.760	8%
371	DSC251ZK	CORDLESS STEEL ROD CUTTER(BL)(18V)	MÁY CẮT THIỆP DÙNG PIN(BL)(18V)	41.119.920	8%
372	DSL800Z	CORDLESS DRYWALL SANDER(AWS/BL)(18V)	MÁY CHA NHAM TUỒNG DÙNG PIN(AWS/BL)(18V)	17.759.520	8%
373	DSL801Z	CORDLESS DRYWALL SANDER(AWS/BL)(18V)	MÁY CHA NHAM TUỒNG DÙNG PIN(AWS/BL)(18V)	15.355.440	8%
374	DS9600Z	CORDLESS PLUNGE CUT SAW(165MM/BL)(18VX2)	MÁY CUA ĐÁ CẮT SÀU DÙNG PIN(165MM/BL)(18VX2)	11.692.080	8%
375	DST121ZK	CORDLESS STAPLER(J) STAPLER(10MM)(18V)	MÁY BÀN DINH GHIM DÙNG PIN(DINH J 10MM)(18V)	13.152.800	8%
376	DST421RFE	CORDLESS STAPLER(18V)	MÁY BÀN DINH GHIM DÙNG PIN(18V)	18.326.520	8%
377	DST421ZK	CORDLESS STAPLER(J) STAPLER 4MM(18V)	MÁY BÀN DINH GHIM DÙNG PIN(DINH J 4MM)(18V)	13.132.800	8%
378	DTC100ZK	CORDLESS CABLE CUTTER(CLOSED TYPE) BLADE/50MM(18V)	MÁY CẮT CÁP DÙNG PIN(LƯỚI CẮT LOẠI ĐỒNG/50MM)(18V)	44.215.200	8%
379	DTC101ZK	CORDLESS CABLE CUTTER(OPEN TYPE) BLADE/50MM(18V)	MÁY CẮT CÁP DÙNG PIN(LƯỚI CẮT LOẠI MỎ/50MM)(18V)	52.459.920	8%
380	DTC102ZK	CORDLESS CABLE CUTTER(CLOSED TYPE) BLADE/65MM(18V)	MÁY CẮT CÁP DÙNG PIN(LƯỚI CẮT LOẠI ĐỒNG/65MM)(18V)	62.994.240	8%
381	DTC103ZK	CORDLESS CABLE CUTTER(CLOSED TYPE) BLADE/54MM/ACSR(18V)	MÁY CẮT CÁP DÙNG PIN(LƯỚI CẮT LOẠI ĐỒNG/54MM/ACSR)(18V)	100.791.000	8%
382	DTC302ZK	CORDLESS CRIMPERS(18V)	MÁY ÉP CỎ THUY LÚC DÙNG PIN(18V)	119.070.000	8%
383	DTD153RTE	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	10.932.840	8%
384	DTD153RTE	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	13.200.840	8%
385	DTD153Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	4.752.000	8%
386	DTD156RF	CORDLESS IMPACT DRIVER(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(18V)	3.402.000	8%
387	DTD156SF1J	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL1830B*1-DC18SD-MAKPAC)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL1830B*1-DC18SD-THÙNG MAKPAC)(18V)	5.950.800	8%
388	DTD156SFE	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL1830B*2-DC18SD-PLASTIC CASE)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL1830B*2-DC18SD-THÙNG NHU(A)(18V)	7.995.240	8%
389	DTD156Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(18V)	2.041.200	8%
390	DTD157RTE1J	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	4.264.920	8%
391	DTD157RTJ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	12.259.080	8%
392	DTD157Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	3.788.640	8%
393	DTD171Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	5.988.600	8%
394	DTD173RTJ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	14.776.560	8%
395	DTD173Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	6.669.000	8%
396	DTD201RTJ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	12.996.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
				Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
397	DTD201Z	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT DÙNG PIN(BL)(18V)	4.559.760	8%
398	DTL061Z	CORDLESS ANGLE IMPACT DRIVER(18V)	MÁY BÁT VÍT GÓC DÙNG PIN(18V)	6.328.800	8%
399	DTL063Z	CORDLESS ANGLE IMPACT WRENCH(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC DÙNG PIN(18V)	6.328.800	8%
400	DTL300Z	CORDLESS ANGLE IMPACT WRENCH(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC DÙNG PIN(18V)	6.306.120	8%
401	DTL301Z	CORDLESS ANGLE IMPACT WRENCH(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC DÙNG PIN(18V)	6.306.120	8%
402	DTL302Z	CORDLESS ANGLE IMPACT WRENCH(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC DÙNG PIN(18V)	6.306.120	8%
403	DTM51Z	CORDLESS MULTI TOOL(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(18V)	4.401.000	8%
404	DTM52RTJX1	CORDLESS MULTI TOOL(S)BL(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	14.209.560	8%
405	DTM52RTJX2	CORDLESS MULTI TOOL(S)BL(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	16.500.240	8%
406	DTM52Z	CORDLESS MULTI TOOL(S)BL(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	5.693.760	8%
407	DTM53RTJX1	CORDLESS MULTI TOOL(BL)(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	14.580.000	8%
408	DTM53Z	CORDLESS MULTI TOOL(BL)(18V)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	4.860.000	8%
409	DTPI41Z	CORDLESS 4 MODE IMPACT DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT 4 CHẾ ĐỘ DÙNG PIN(BL)(18V)	7.496.280	8%
410	DTRI80Z	CORDLESS REBAR TYING TOOL(BL)(18V)	MÁY BƯỚC DÂY THÉP DÙNG PIN(BL)(18V)	31.276.800	8%
411	DTRI81RTE	CORDLESS REBAR TYING TOOL(BL)(18V)	MÁY BƯỚC DÂY THÉP DÙNG PIN(BL)(18V)	40.779.720	8%
412	DTRI81ZK	CORDLESS REBAR TYING TOOL(BL)(18V)	MÁY BƯỚC DÂY THÉP DÙNG PIN(BL)(18V)	35.392.680	8%
413	DTSI41RME	CORDLESS OIL-PULSE DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT XUNG DẤU DÙNG PIN(BL)(18V)	14.904.000	8%
414	DTSI41Z	CORDLESS OIL-PULSE DRIVER(BL)(18V)	MÁY BÁT VÍT XUNG DẤU DÙNG PIN(BL)(18V)	10.365.840	8%
415	DTW1001RTJ	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM)BL(18V)	19.017.720	8%
416	DTW1001Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM)BL(18V)	11.533.320	8%
417	DTW1001ZX2	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM)DÂY ĐEO(BL)(18V)	11.205.000	8%
418	DTW1002RTJ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	19.018.800	8%
419	DTW1002Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	11.533.320	8%
420	DTW1004Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	10.978.200	8%
421	DTW1005Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM)BL(18V)	12.474.000	8%
422	DTW180RFE	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM)BL(18V)	10.411.200	8%
423	DTW180Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	4.151.520	8%
424	DTW181RFE	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	10.411.200	8%
425	DTW181Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	4.151.520	8%
426	DTW190FX8	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	5.262.840	8%
427	DTW190FXZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)DÂY ĐEO(18V)	8.424.000	8%
428	DTW190ZX	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)DÂY ĐEO(18V)	2.461.320	8%
429	DTW251Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	4.582.440	8%
430	DTW300RTJ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	14.590.800	8%
431	DTW300XVZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)SHOULDER BELT(HIGH VOLTAGE)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)DÂY ĐEO(ĐIỆN ÁP CAO)BL(18V)	7.723.080	8%
432	DTW300Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)DÂY ĐEO(BL)(18V)	6.543.720	8%
433	DTW302RTJ	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM)DÂY ĐEO(BL)(18V)	14.549.760	8%
434	DTW302Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM)SHOULDER BELT(BL)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM)DÂY ĐEO(BL)(18V)	6.737.040	8%
435	DTW700RT1J	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	8.415.360	8%
436	DTW700RTZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	16.275.600	8%
437	DTW700XVZX	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)SHOULDER BELT(HIGH VOLTAGE)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)DÂY ĐEO(ĐIỆN ÁP CAO)BL(18V)	10.002.960	8%
438	DTW700Z	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)BL(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)BL(18V)	8.324.640	8%
439	DUA200RTO1	CORDLESS POLE SAW(200MM/80TXL)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(200MM/80TXL)BL(18V)	9.050.400	8%
440	DUA200Z01	CORDLESS POLE SAW(200MM/80TXL)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(200MM/80TXL)BL(18V)	8.256.600	8%
441	DUA300ZB	CORDLESS POLE SAW(300MM/223MM)91PX(BL)(18Vx2)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(300MM/223MM)91PX(BL)(18Vx2)	15.060.600	8%
442	DUA301ZB	CORDLESS POLE SAW(300MM/TELESCOPIC PIPE 2.530-3.762MM)91PX(BL)(18Vx2)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(300MM/ĐIỀU CHỈNH 2.530-3.762MM)91PX(BL)(18Vx2)	20.345.400	8%
443	DUB184RT	CORDLESS BLOWER(BL)(18V)	MÁY THỔI DỪNG PIN(BL)(18V)	5.648.400	8%
444	DUB184Z	CORDLESS BLOWER(BL)(18V)	MÁY THỔI DỪNG PIN(BL)(18V)	4.888.080	8%
445	DUB185RT	CORDLESS BLOWER(18V)	MÁY THỔI DỪNG PIN(18V)	7.128.000	8%
446	DUB185Z	CORDLESS BLOWER(18V)	MÁY THỔI DỪNG PIN(18V)	1.928.880	8%
447	DUB186Z	CORDLESS BLOWER(GARDEN NOZZLE)(18V)	MÁY THỔI DỪNG PIN(ÔNG THỔI SÂN VƯỜN)(18V)	2.149.200	8%
448	DUB187Z	CORDLESS BLOWER VACUUM(BL)(18V)	MÁY THỔI VÀ HÚT BỤI DÙNG PIN(BL)(18V)	6.997.320	8%
449	DUB362Z	CORDLESS BLOWER(BL)(18Vx2)	MÁY THỔI DỪNG PIN(BL)(18Vx2)	11.023.560	8%
450	DUB363ZV	CORDLESS BLOWER(BL)(18Vx2)	MÁY THỔI DỪNG PIN(BL)(18Vx2)	12.032.280	8%
451	DCU10150P1	CORDLESS PRUNING SAW(100MM)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(100MM)BL(18V)	9.492.120	8%
452	DCU101Z01	CORDLESS PRUNING SAW(100MM)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(100MM)BL(18V)	5.754.480	8%
453	DCU150SFO1	CORDLESS PRUNING SAW(150MM)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(150MM)BL(18V)	9.968.400	8%
454	DCU150Z01	CORDLESS PRUNING SAW(150MM)BL(18V)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(150MM)BL(18V)	6.079.320	8%
455	DCU254RT	CORDLESS CHAIN SAW(90PX)BL(18V)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(90PX)BL(18V)	9.481.320	8%
456	DCU254Z	CORDLESS CHAIN SAW(90PX)BL(18V)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(90PX)BL(18V)	8.279.280	8%
457	DCU254Z020	CORDLESS CHAIN SAW(250MM/80TXL)BL(18V)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(250MM/80TXL)BL(18V)	9.514.800	8%
458	DCU255Z	CORDLESS CHAIN SAW(80TXL)BL(18V)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(80TXL)BL(18V)	8.568.000	8%
459	DCU255Zx2	CORDLESS CHAIN SAW(350MM/90PX)BL(18Vx2)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(350MM/90PX)BL(18Vx2)	10.365.840	8%
460	DCU357Z	CORDLESS CHAIN SAW(350MM/90PX)BL(18V)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(350MM/90PX)BL(18V)	8.188.560	8%
461	DCU406Z	CORDLESS CHAIN SAW(400MM/90PX)BL(18Vx2)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(400MM/90PX)BL(18Vx2)	11.805.480	8%
462	DUC406Z002	CORDLESS CHAIN SAW(400MM/80TXL)BL(18Vx2)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(400MM/80TXL)BL(18Vx2)	12.281.760	8%
463	DUH502Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(500MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)BL(18V)	8.891.640	8%
464	DUH504SZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(500MM)SINGLE BLADE(BL)(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)LIÕN ĐƠN(BL)(18V)	13.722.480	8%
465	DUH507P001	CORDLESS HEDGE TRIMMER(500MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)BL(18V)	7.587.000	8%
466	DUH507Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(500MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)BL(18V)	5.069.520	8%
467	DUH602RT	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)BL(18V)	13.631.760	8%
468	DUH602Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)BL(18V)	8.959.680	8%
469	DUH604SZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)SINGLE BLADE(BL)(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)LIÕN ĐƠN(BL)(18V)	14.288.400	8%
470	DUH606RT	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)BL(18V)	11.692.080	8%
471	DUH606Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)BL(18V)	6.623.640	8%
472	DUH752Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(750MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)BL(18V)	9.837.000	8%
473	DUH754SZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(SINGLE BLADE)(750MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)BL(18V)	15.083.280	8%
474	DUM111SYX	CORDLESS GRASS SHEAR(110MM)BL(18V)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(110MM)BL(18V)	5.455.080	8%
475	DUM604SY	CORDLESS HEDGE TRIMMER(18V)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(18V)	6.238.080	8%
476	DUM604Z	CORDLESS HEDGE TRIMMER(18V)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(18V)	2.801.520	8%
477	DUH461WZ	CORDLESS POLE HEDGE TRIMMER(460MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(460MM)BL(18V)	4.797.360	8%
478	DUN500WZ	CORDLESS POLE HEDGE TRIMMER(500MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)BL(18V)	12.724.560	8%
479	DUN500LZ	CORDLESS POLE HEDGE TRIMMER(600MM)BL(18V)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)BL(18V)	12.845.880	8%
480	DUP180Z	BATTERY POWERED PRUNING SHEARS(BL)(18V)	MÁY CẮT CÀNH DÙNG PIN(BL)(18V)	29.779.920	8%
481	DUP181Z	CORDLESS PRUNING SHEARS(BL)(18V)	MÁY CẮT CÀNH DÙNG PIN(BL)(18V)	7.063.200	8%
482	DUP361Z	BATTERY POWERED PRUNING SHEARS(18Vx2)	MÁY CẮT CÀNH DÙNG PIN(18Vx2)	30.618.000	8%
483	DUP362ZN	BATTERY POWERED PRUNING SHEARS(18Vx2)	MÁY CẮT CÀNH DÙNG PIN(18Vx2)	36.311.760	8%
484	DUR190LRT1	CORDLESS GRASS TRIMMER(LOOP HANDLE)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(TAY CÀM VÒNG)BL(18V)	13.722.480	8%
485	DUR190LZX1	CORDLESS GRASS TRIMMER(LOOP HANDLE)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(TAY CÀM VÒNG)BL(18V)	6.056.640	8%
486	DUR190LRT1	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(18V)	13.722.480	8%
487	DUR190LZX1	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(18V)	6.056.640	8%
488	DUR191LRT1	CORDLESS GRASS TRIMMER(SPLIT SHAFT)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(TÁCH TRỤC)BL(18V)	14.799.240	8%
489	DUR191UXZ1	CORDLESS GRASS TRIMMER(SPLIT SHAFT)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(TÁCH TRỤC)BL(18V)	7.269.480	8%
490	DUR1921ST	CORDLESS TRIMMER(LOOP HANDLE)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(LOOP HANDLE)BL(18V)	8.800.920	8%
491	DUR1921Z	CORDLESS TRIMMER(LOOP HANDLE)BL(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(LOOP HANDLE)BL(18V)	4.401.000	8%
492	DUR193Z	CORDLESS GRASS TRIMMER(18V)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(18V)	3.073.680	8%
493	DUR368AZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(18Vx2)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	8.755.560	8%
494	DUR369AZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(18Vx2)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(18Vx2)	11.805.480	8%
495	DL5054Z	CORDLESS GARDEN SPRAYER(5L)(18V)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(5L)(18V)	5.303.550	5%
496	DL5082Z	CORDLESS GARDEN SPRAYER(10L)(18V)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(10L)(18V)	8.732.850	5%
497	DUR158Z	CORDLESS GARDEN SPRAYER(15L)(18V)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(15L)(18V)	8.799.000	5%
498	DUT130Z	CORDLESS MIXER POWERED(BL)(18V)	MÁY TRỘN SƠN DÙNG PIN(BL)(18V)	9.673.560	8%
499	DUT131RTE	CORDLESS MIXER(BL)(18V)	MÁY TRỘN SƠN DÙNG PIN(BL)(18V)	14.299.200	8%
500	DUT131Z	CORDLESS MIXER(BL)(18V)	MÁY TRỘN SƠN DÙNG PIN(BL)(18V)	8.823.600	8%
501	DUX180GX4	CORDLESS MULTI FUNCTION POWER HEAD(BL)(18V)	MÁY LÀM VƯỜN ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL)(18V)	13.042.080	8%
502	DUX182Z	CORDLESS MULTI FUNCTION POWER HEAD(BL)(18V)			



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W V A T)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
529	GA011GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	20.163.600	8%
530	GA011GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	6.033.960	8%
531	GA013GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	20.390.400	8%
532	GA013GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	6.192.720	8%
533	GA021GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/SLIDE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/AWS/BL(40V MAX)	21.308.400	8%
534	GA021GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/SLIDE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/AWS/BL(40V MAX)	7.337.520	8%
535	GA023GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/SLIDE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/AWS/BL(40V MAX)	21.648.600	8%
536	GA023GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/SLIDE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/AWS/BL(40V MAX)	7.655.040	8%
537	GA027GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	21.308.400	8%
538	GA027GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	7.314.840	8%
539	GA029GM201	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	21.648.600	8%
540	GA029GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	7.677.720	8%
541	GA035GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(150MM/SLIDE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(150MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/BL(40V MAX)	6.215.400	8%
542	GA036GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(150MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(150MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	6.577.200	8%
543	GA037GZ05	CORDESS ANGLE GRINDER(180MM/TRIGER SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(180MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	10.388.520	8%
544	GA038GZ05	CORDESS ANGLE GRINDER(230MM/TRIGER SWITCH/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(230MM/CÔNG TÁC BƠP/AWS/BL(40V MAX)	10.819.440	8%
545	GA039GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/SLIDE SWITCH/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	8.347.320	8%
546	GA041GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/SLIDE SWITCH/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	8.687.520	8%
547	GA042GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	8.551.440	8%
548	GA044GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/X-LOCK/AWS/BL(40V MAX)	8.920.560	8%
549	GA048GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(100MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(100MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	8.868.960	8%
550	GA050GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	9.095.760	8%
551	GA051GZ	CORDESS ANGLE GRINDER(150MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC DÙNG PÍN(150MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	9.209.160	8%
552	GA055GZ	CORDESS FLAT HEAD GRINDER(125MM/SLIDE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC ĐẦU ĐÉT DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/BL(40V MAX)	10.048.320	8%
553	GA056GZ	CORDESS FLAT HEAD GRINDER(125MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI GÓC ĐẦU ĐÉT DÙNG PÍN(125MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	10.048.320	8%
554	GA4030	ANGLE GRINDER(100MM/720W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	1.728.000	8%
555	GA4030R	ANGLE GRINDER(100MM/720W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	1.728.000	8%
556	GA4031	ANGLE GRINDER(100MM/720W/TOGGLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TÁC DỪNG)	1.728.000	8%
557	GA4032	ANGLE GRINDER(100MM/720W/TOGGLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TÁC DỪNG)	1.747.440	8%
558	GA4034	ANGLE GRINDER(100MM/720W/PADDLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TÁC BƠP)	1.911.600	8%
559	GA4040C	ANGLE GRINDER(100MM/1400W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/1400W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	3.924.720	8%
560	GA4050	ANGLE GRINDER(100MM/1300W/PADDLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/1300W/CÔNG TÁC BƠP)	3.209.760	8%
561	GA4100	ANGEL GRINDER(100MM/850W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/850W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	3.780.000	8%
562	GA5010	ANGLE GRINDER(125MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1050W/CÔNG TÁC BƠP)	3.142.800	8%
563	GA5020	ANGLE GRINDER(125MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1050W/CÔNG TÁC BƠP)	3.368.520	8%
564	GA5050	ANGLE GRINDER(130MM/1300W/PADDLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1300W/CÔNG TÁC BƠP)	3.368.520	8%
565	GA5080R	ANGLE GRINDER(125MM/1400W/SLIDE SWITCH/X-LOCK)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1400W/CÔNG TÁC TRƯỢT/X-LOCK)	7.360.200	8%
566	GA5091X02	ANGLE GRINDER(125MM/1900W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1900W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	6.510.240	8%
567	GA5092X02	ANGLE GRINDER(125MM/1900W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1900W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	5.568.480	8%
568	GA5093X01	ANGLE GRINDER(125MM/1900W/PADDLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1900W/CÔNG TÁC BƠP)	6.850.440	8%
569	GA5095X01	ANGLE GRINDER(125MM/1900W/PADDLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1900W/CÔNG TÁC BƠP)	5.920.560	8%
570	GA5100	ANGLE GRINDER(125MM/850W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/850W/CÔNG TÁC TRƯỢT)	3.344.800	8%
571	GA6010	ANGLE GRINDER(150MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(150MM/1050W/CÔNG TÁC BƠP)	3.142.800	8%
572	GA6020	ANGLE GRINDER(150MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(150MM/1050W/CÔNG TÁC BƠP)	3.369.600	8%
573	GA6021C	ANGLE GRINDER(150MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(150MM/1050W/CÔNG TÁC BƠP)	9.005.040	8%
574	GA7020	ANGLE GRINDER(180MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	3.855.600	8%
575	GA7050	ANGLE GRINDER(180MM/2000W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2000W/CÔNG TÁC BƠP)	3.855.600	8%
576	GA7060	ANGLE GRINDER(180MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	4.384.800	8%
577	GA7070	ANGLE GRINDER(180MM/2800W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2800W/CÔNG TÁC BƠP)	7.677.600	8%
578	GA7071	ANGLE GRINDER(180MM/2800W/LOOP HANDLE/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2800W/TAY CAM DANG VÒNG/CÔNG TÁC BƠP)	7.961.760	8%
579	GA7080	ANGLE GRINDER(180MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	6.396.840	8%
580	GA7081	ANGLE GRINDER(180MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	5.920.560	8%
581	GA7082	ANGLE GRINDER(180MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	5.205.600	8%
582	GA7090	ANGLE GRINDER(180MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	3.855.600	8%
583	GA9020	ANGLE GRINDER(230MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	4.060.800	8%
584	GA9030	ANGLE GRINDER(230MM/2400W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2400W/CÔNG TÁC BƠP)	4.582.440	8%
585	GA9060	ANGLE GRINDER(230MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	4.287.600	8%
586	GA9061R	ANGLE GRINDER(230MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	4.378.320	8%
587	GA9070	ANGLE GRINDER(230MM/2800W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2800W/CÔNG TÁC BƠP)	7.927.200	8%
588	GA9080	ANGLE GRINDER(230MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	6.623.640	8%
589	GA9081	ANGLE GRINDER(230MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	6.147.360	8%
590	GA9082	ANGLE GRINDER(230MM/2700W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2700W/CÔNG TÁC BƠP)	5.455.080	8%
591	GA9090	ANGLE GRINDER(230MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2200W/CÔNG TÁC BƠP)	4.060.800	8%
592	GB602	BENCH GRINDER(150MM)	MÁY MÀI 2 ĐÀ(150MM)	4.355.640	8%
593	GB801	BENCH GRINDER(205MM)	MÁY MÀI 2 ĐÀ(205MM)	7.088.040	8%
594	GD001GZ	CORDESS DIE GRINDER(8MM/SLIDE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI KHUÔN DÙNG PÍN(8MM/CÔNG TÁC TRƯỢT/BL(40V MAX)	6.238.080	8%
595	GD002GZ	CORDESS DIE GRINDER(8MM/PADDLE SWITCH/BL(40V MAX)	MÁY MÀI KHUÔN DÙNG PÍN(8MM/CÔNG TÁC BƠP/BL(40V MAX)	6.079.320	8%
596	GD0600	DIE GRINDER(6MM)	MÁY MÀI KHUÔN(6MM)	2.733.480	8%
597	GD0601	DIE GRINDER(6MM)	MÁY MÀI KHUÔN(6MM)	2.778.840	8%
598	GD0602	DIE GRINDER(6MM)	MÁY MÀI KHUÔN(6MM)	2.735.240	8%
599	GD0603	DIE GRINDER(6MM)	MÁY MÀI KHUÔN(6MM)	2.838.640	8%
600	GD0800C	DIE GRINDER(8MM)	MÁY MÀI KHUÔN(8MM)	7.995.240	8%
601	GD0801C	DIE GRINDER(8MM)	MÁY MÀI KHUÔN(8MM)	8.188.560	8%
602	GD0810C	DIE GRINDER(8MM)	MÁY MÀI KHUÔN(8MM)	8.233.920	8%
603	GP001GZ	CORDESS GREASE GUN(BL(40V MAX)	MÁY BƠM MỖ DÙNG PÍN(BL(40V)	13.042.080	8%
604	GS5000	STRAIGHT GRINDER(125MM)	MÁY MÀI THANG(125MM)	9.855.000	8%
605	GA01G12501	BATTERY POWERED MOTOR UNIT(40V MAX)	MÔ TƠ VẬN HÀNH DÙNG PÍN(40V MAX)	12.420.000	8%
606	GV6010	DISC SANDER(150MM)	MÁY CHÀ NHAM Đĩa(150MM)	2.960.280	8%
607	GV7000	DISC SANDER(180MM)	MÁY CHÀ NHAM Đĩa(180MM)	6.033.960	8%
608	GV7000C	DISC SANDER(180MM)	MÁY CHÀ NHAM Đĩa(180MM)	7.088.040	8%
609	HB350	MAGNETIC DRILL(35MM)	MÁY KHOAN TỰ DÙNG ĐIỆN(35MM)	22.086.000	8%
610	HG001GZ02	CORDESS HEAT GUN(600°C)(40V MAX)	MÁY THỜI NÓNG DÙNG PÍN(600°C)(40V MAX)	6.464.880	8%
611	HG5030	HEAT GUN(1600W)	MÁY THỜI NÓNG(1600W)	1.497.960	8%
612	HG5030K	HEAT GUN(1600W)	MÁY THỜI NÓNG(1600W)	1.724.760	8%
613	HG6030	HEAT GUN(1800W)	MÁY THỜI NÓNG(1800W)	1.906.200	8%
614	HG6030K	HEAT GUN(1800W)	MÁY THỜI NÓNG(1800W)	2.155.680	8%
615	HG6530V	HEAT GUN(2000W)	MÁY THỜI NÓNG(2000W)	2.914.920	8%
616	HG6530VK	HEAT GUN(2000W)	MÁY THỜI NÓNG(2000W)	3.720.600	8%
617	HG6531C	HEAT GUN(2000W)	MÁY THỜI NÓNG(2000W)	3.720.600	8%
618	HM001GM203	CORDESS DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-MAX/AWS/BL(40V MAX)	26.241.840	8%
619	HM001GZ	CORDESS DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK/AWS/BL(40V MAX)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-MAX/AWS/BL(40V MAX)	25.407.600	8%
620	HM002G203	CORDESS DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK/AWS/BL(40V MAXX2)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-MAX/AWS/BL(40V MAXX2)	20.617.200	8%
621	HM004GZ05	CORDESS DEMOLITION HAMMER(AWS/BL(40V MAXX2)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG DÙNG PÍN(AWS/BL(40V MAXX2)	69.866.280	8%
622	HM0810A	DEMOLITION HAMMER(17MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 17MM)	8.845.200	8%
623	HM0810TA	DEMOLITION HAMMER(17MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 17MM)	8.521.200	8%
624	HM0871C	DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI GAI SDS-MAX)	12.837.960	8%
625	HM1201	DEMOLITION HAMMER(21MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 21MM)	18.219.600	8%
626	HM1203C	DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI GAI SDS-MAX)	15.582.320	8%
627	HM1213C	DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI GAI SDS-MAX)	18.110.520	8%
628	HM1214C	DEMOLITION HAMMER(SDS-MAX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI GAI SDS-MAX)	26.116.560	8%
629	HM1306	DEMOLITION HAMMER(30MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 30MM)	18.921.600	8%
630	HM1307C	ELECTRIC BREAKER(30MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 30MM)	26.003.160	8%
631	HM1317C	ELECTRIC BREAKER(30MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 30MM)	28.192.320	8%
632	HM1511	ELECTRIC BREAKER(30MM HEX SHANK(AVT)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 30MM(AVT)	32.988.000	8%
633	HP001GZ	ELECTRIC BREAKER(26MM HEX SHANK)	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG(CHUỐI LƯC GIÁC 26MM)	13.745.200	8%
634	HP001GM201	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	22.726.400	8%
635	HP001GZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	8.391.600	8%
636	HP002GA201	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	13.040.960	8%
637	HP002GD201	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	17.180.640	8%
638	HP002GZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	5.046.840	8%
639	HP003GZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(40V MAX)	9.481.520	8%
640	HP1630	HAMMER DRILL(16MM)	MÁY KHOAN BÚA(16MM)	2.289.600	8%
641	HP2050	2-SPEED HAMMER DRILL(20MM)	MÁY KHOAN BÚA 2 TỐC ĐỘ(20MM)	4.151.520	8%
642	HP2051	2-SPEED HAMMER DRILL(20MM)	MÁY KHOAN BÚA 2 TỐC ĐỘ(20MM)	4.446.360	8%
643	HP2070	2-SPEED HAMMER DRILL(20MM)	MÁY KHOAN BÚA 2 TỐC ĐỘ(20MM)	5.443.200	8%
644	HP330DWE	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(10.8V)	3.584.520	8%
645	HP330DZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(10.8V)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(10.8V)	1.679.400	8%
646	HP332DSAE	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(12V MAX)	6.555.600	8%
647	HP332DZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL(12V MAX)	3.368.520	8%
648	HP333DSAE	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(12V MAX)	5.092.200	8%
649	HP333DSYE	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(12V MAX)	4.332.960	8%
650	HP333DWB	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(12V MAX)	2.710.800	8%
651	HP333DZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(12V MAX)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(12V MAX)	1.838.160	8%
652	HP48RDWAE	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(BL1820G*2+DC18WA(18V)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(BL1820G*2+DC18WA(18V)	4.870.800	8%
653	HR0048DZ	CORDESS HAMMER DRIVER DRILL(18V)	MÁY KHOAN BÚA VÀ VÁN VÍT DÙNG PÍN(18V)	1.985.040	8%
654	HR001GM203	CORDESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/28MM/AWS/BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/AWS/BL(40V MAX)	25.407.600	8%
655	HR001GZ02	CORDESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/28MM/AWS/BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/AWS/BL(40V MAX)	12.134.880	8%
656	HR003GD201	CORDESS COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/28MM/BL(40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PÍN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/BL(40V MAX)	21.092.400	8



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Giá thông thường	
				Retail price (W VAT)	Tax rate
				Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)		
661	HR006GZ	CORDLESS ROTARY HAMMER/SDS-MAX SHANK/52MM/AWS/BL/40V MAXX2)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-MAX/52MM/AWS/BL/40V MAXX2)	33.691.680	8%
662	HR007GM201	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-MAX SHANK/28MM/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/BL/40VMAX)	22.465.080	8%
663	HR007GZ	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/28MM/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/BL/40VMAX)	8.618.400	8%
664	HR008GT201	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/30MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/30MM/AWS/BL/40V MAX)	28.634.040	8%
665	HR008GZ	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/30MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/30MM/AWS/BL/40V MAX)	13.745.160	8%
666	HR010G201	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/20MM/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/20MM/40V MAX)	21.999.600	8%
667	HR010GZ	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/20MM/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/20MM/40V MAX)	8.483.400	8%
668	HR011GZ	CORDLESS COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/28MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM/AWS/BL/40V MAX)	10.800.000	8%
669	HR166DSMJ	CORDLESS ROTARY HAMMER/SDS-PLUS SHANK/16MM/BL/12V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/BL/12V MAX/CHUỐI GAI SDS-PLUS/16MM/BL/12V MAX)	8.164.800	8%
670	HR166DZ	CORDLESS ROTARY HAMMER/SDS-PLUS SHANK/16MM/BL/12V MAX)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG DÙNG PIN(CHUỐI GAI SDS-PLUS/16MM/BL/12V MAX)	3.970.080	8%
671	HR2300	ROTARY HAMMER/SDS-PLUS SHANK/23MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/23MM)	4.661.280	8%
672	HR26S2	COMBINATION HAMMER WITH SELF DUST COLLECTION/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG VỚI HỆ THỐNG HÚT BỤI(CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	7.405.560	8%
673	HR26S3	COMBINATION HAMMER WITH SELF DUST COLLECTION/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG VỚI HỆ THỐNG HÚT BỤI(CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	7.916.400	8%
674	HR26S3T	COMBINATION HAMMER WITH SELF DUST COLLECTION/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG VỚI HỆ THỐNG HÚT BỤI(CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	8.959.680	8%
675	HR2670	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	4.945.320	8%
676	HR2670F	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	7.190.640	8%
677	HR2670XS	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	4.989.600	8%
678	HR2810	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/28MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/28MM)	8.143.200	8%
679	HR3001CJ	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/30MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/30MM)	10.127.160	8%
680	HR3011FCWJ	COMBINATION HAMMER WITH SELF DUST COLLECTION/SDS-PLUS SHANK/30MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG VỚI HỆ THỐNG HÚT BỤI(CHUỐI GAI SDS-PLUS/30MM)	13.855.360	8%
681	HR3200C	COMBINATION HAMMER/SDS-PLUS SHANK/32MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG/CHUỐI GAI SDS-PLUS/32MM)	16.273.440	8%
682	HR3530	ROTARY HAMMER/17MM HEX SHANK/35MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/CHUỐI LƯC GIÁC 17MM/35MM)	16.500.240	8%
683	HR4002	ROTARY HAMMER/SDS-MAX SHANK/40MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/CHUỐI GAI SDS-MAX/40MM)	14.209.560	8%
684	HR4030C	ROTARY HAMMER/17MM HEX SHANK/40MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/CHUỐI LƯC GIÁC 17MM/40MM)	17.646.120	8%
685	HR5212C	ROTARY HAMMER/SDS-MAX SHANK/52MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG/CHUỐI GAI SDS-MAX/52MM)	30.017.520	8%
686	HS003GM201	CORDLESS CIRCULAR SAW/190MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/190MM/AWS/BL/40V MAX)	22.114.080	8%
687	HS003GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/190MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/190MM/AWS/BL/40V MAX)	9.835.360	8%
688	HS004GM201	CORDLESS CIRCULAR SAW/190MM/GUIDE RAIL WITHOUT ADAPTER/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/190MM/CÓ THẺ GẮN TRỰC TIẾP VỚI THANH TRƯỢT/AWS/BL/40V MAX)	23.248.080	8%
689	HS004GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/190MM/GUIDE RAIL WITHOUT ADAPTER/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/190MM/CÓ THẺ GẮN TRỰC TIẾP VỚI THANH TRƯỢT/AWS/BL/40V MAX)	10.751.400	8%
690	HS009GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/235MM/GUIDE RAIL WITHOUT ADAPTER/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/235MM/CÓ THẺ GẮN TRỰC TIẾP VỚI THANH TRƯỢT/AWS/BL/40V MAX)	12.485.880	8%
691	HS011GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/260MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/260MM/AWS/BL/40V MAX)	13.064.760	8%
692	HS012GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/165MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/165MM/AWS/BL/40V MAX)	9.446.760	8%
693	HS013GZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/415MM/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/415MM/BL/40V MAX)	26.082.000	8%
694	HS0600	CIRCULAR SAW/260MM)	MÁY CUA ĐÁ/260MM)	7.706.400	8%
695	HS300DZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/85MM/10.8V)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/85MM/10.8V)	2.548.800	8%
696	HS301DZ	CORDLESS CIRCULAR SAW/85MM/12V MAX)	MÁY CUA ĐÁ DÙNG PIN/85MM/12V MAX)	2.801.520	8%
697	HS6600	CIRCULAR SAW/165MM)	MÁY CUA ĐÁ/165MM)	3.675.240	8%
698	HS7010	CIRCULAR SAW/185MM)	MÁY CUA ĐÁ/185MM)	3.675.240	8%
699	HS7600	CIRCULAR SAW/185MM)	MÁY CUA ĐÁ/185MM)	3.812.400	8%
700	HW001GZ	CORDLESS HIGH PRESSURE WASHER/BL/40V MAX)	MÁY XÌT XỬ AÁP LÚC CAO DÙNG PIN/BL/40VMAX)	34.052.680	8%
701	HW1200	HIGH PRESSURE WASHER	MÁY XÌT XỬ AÁP LÚC CAO	9.835.000	8%
702	HW1300	HIGH PRESSURE WASHER	MÁY XÌT XỬ AÁP LÚC CAO	11.918.880	8%
703	JN1601	NIBBLER/1.6MM)	MÁY CẮT TON/1.6MM)	11.805.480	8%
704	JN3201	NIBBLER/3.2MM)	MÁY CẮT TON/3.2MM)	16.160.040	8%
705	JR001GM201	CORDLESS RECIPRO SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/BL/40V MAX)	21.308.400	8%
706	JR001GZ	CORDLESS RECIPRO SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/BL/40V MAX)	7.292.160	8%
707	JR002GM201	CORDLESS RECIPRO SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/BL/40V MAX)	23.145.480	8%
708	JR002GZ	CORDLESS RECIPRO SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/BL/40V MAX)	9.333.360	8%
709	JR003GZ	CORDLESS RECIPRO SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/BL/40V MAX)	20.980.080	8%
710	JR102DZ	CORDLESS RECIPRO SAW/10.8V)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/10.8V)	2.160.000	8%
711	JR103DSYE	CORDLESS RECIPRO SAW/12V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/12V MAX)	5.081.400	8%
712	JR103DZ	CORDLESS RECIPRO SAW/12V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/12V MAX)	2.518.560	8%
713	JR105DSAE	CORDLESS RECIPRO SAW/12V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/12V MAX)	5.568.480	8%
714	JR105DSYE	CORDLESS RECIPRO SAW/12V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/12V MAX)	5.296.320	8%
715	JR105DZ	CORDLESS RECIPRO SAW/12V MAX)	MÁY CUA KIỂM DÙNG PIN/12V MAX)	2.438.640	8%
716	JR3051TK	RECIPRO SAW	MÁY CUA KIỂM	4.706.640	8%
717	JR3070CT	RECIPRO SAW	MÁY CUA KIỂM	7.745.760	8%
718	JS1601	STRAIGHT METAL SHEAR/1.6MM)	MÁY CẮT KIM LOẠI THẲNG/1.6MM)	10.184.400	8%
719	JS1602	METAL SHEAR/1.6MM)	MÁY CẮT KIM LOẠI/1.6MM)	10.706.040	8%
720	JS3201	METAL SHEAR/3.2MM)	MÁY CẮT KIM LOẠI/3.2MM)	13.064.760	8%
721	JV001GZ	CORDLESS JIG SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN/BL/40V MAX)	8.279.280	8%
722	JV002GZ	CORDLESS JIG SAW/BL/40V MAX)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN/BL/40V MAX)	8.256.600	8%
723	JV0600K	JIG SAW	MÁY CUA LONG	3.765.960	8%
724	JV100DZ	CORDLESS JIG SAW/10.8V)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN/10.8V)	2.030.400	8%
725	JV101DZ	CORDLESS JIG SAW/12V MAX)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN/12V MAX)	2.019.600	8%
726	JV103DZ	CORDLESS JIG SAW/BL/12V MAX)	MÁY CUA LONG DÙNG PIN/BL/12V MAX)	4.128.840	8%
727	KP001GZ	POWER PLANER/82MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY BẢO DƯỠNG PIN/82MM/AWS/BL/40V MAX)	8.391.600	8%
728	KP0800X	POWER PLANER/82MM)	MÁY BẢO/82MM)	5.319.000	8%
729	KT001GZ	CORDLESS KETTLE/BL/40V MAX)	ÂM DÙNG NƯỚC DÙNG PIN/40V MAX)	8.052.480	8%
730	LI120H	BAND SAW	MÁY CUA BÀN	26.922.240	8%
731	LC1230	METAL CUTTING SAW/305MM)	MÁY CẮT KIM LOẠI/305MM)	15.355.440	8%
732	LD030P	LASER DISTANCE MEASURE	MÁY ĐO KHOẢNG CÁCH LASER	2.415.960	8%
733	LD050P	LASER DISTANCE MEASURE	MÁY ĐO KHOẢNG CÁCH LASER	3.255.120	8%
734	LD080P	LASER DISTANCE MEASURE	MÁY ĐO KHOẢNG CÁCH LASER	5.364.360	8%
735	LH1040	TABLE TOP MITER SAW/260MM)	MÁY CUA BÀN ĐÁ GÓC/260MM)	12.837.960	8%
736	LM001CZ	BATTERY POWERED LAWN MOWER/530MM/CONNECTOR TYPE/BL)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/530MM/CÓ CHỖ DÙNG CHUNG VỚI BỘ CẤP NGUỒN/BL)	32.761.800	8%
737	LM002GZ	CORDLESS LAWN MOWER/530MM/BL/40V MAX)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/530MM/BL/40V MAX)	37.796.760	8%
738	LM002M101	CORDLESS LAWN MOWER/530MM/BL/64V MAX)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/530MM/BL/64V MAX)	29.099.520	8%
739	LM004GZ	CORDLESS LAWN MOWER/430MM/BL/40VMAX)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/430MM/BL/40V MAX)	12.599.280	8%
740	LM004JB101	CORDLESS LAWN MOWER/530MM/BL/64V MAX)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/530MM/BL/64V MAX)	54.977.400	8%
741	LM004JZ	CORDLESS LAWN MOWER/530MM/BL/64V MAX)	MÁY CẮT CỎ ĐÁY DÙNG PIN/530MM/BL/64V MAX)	33.215.400	8%
742	LS002GZ	CORDLESS SLIDE COMPOUND MITER SAW/216MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT DÙNG PIN/216MM/AWS/BL/40V MAX)	25.662.960	8%
743	LS003GZ	CORDLESS SLIDE COMPOUND MITER SAW/305MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT DÙNG PIN/305MM/AWS/BL/40V MAX)	29.099.520	8%
744	LS004GZ	CORDLESS SLIDE COMPOUND MITER SAW/260MM/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT DÙNG PIN/260MM/AWS/BL/40V MAX)	27.490.400	8%
745	LS0816F	SLIDE COMPOUND MITER SAW/216MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT/216MM)	11.918.880	8%
746	LS1018L	SLIDE COMPOUND SAW/255MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT/255MM)	15.130.800	8%
747	LS1019L	SLIDE COMPOUND SAW/260MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT/260MM)	21.535.200	8%
748	LS1030N	MITER SAW/260MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC/260MM)	8.564.400	8%
749	LS1040	COMPOUND MITER SAW/255MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC/255MM)	10.184.400	8%
750	LS1110F	SLIDE COMPOUND MITER SAW/260MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT/260MM)	15.518.360	8%
751	LS1219L	SLIDE COMPOUND SAW/255MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC TRƯỢT/305MM)	26.468.640	8%
752	LW1401	PORTABLE CUT-OFF/355MM/2000W)	MÁY CẮT SÀT/355MM/2000W)	5.972.400	8%
753	M0401B	CUTTER/1(10MM)	MÁY CẮT ĐÁ/GACH/1(10MM)	1.663.200	8%
754	M0600B	DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN/1(10MM)	961.200	8%
755	M0601B	DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN/1(10MM)	1.004.400	8%
756	M0800B	HAMMER DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN Búa/1(10MM)	1.285.200	8%
757	M0801B	HAMMER DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN Búa/1(10MM)	1.285.200	8%
758	M0900B	ANGLE GRINDER/100MM/540W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC/100MM/540W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.242.000	8%
759	M0910B	ANGLE GRINDER/100MM/540W/TOGGLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC/100MM/540W/CÔNG TẮC DÙOÍ)	1.242.000	8%
760	M0920B	ANGLE GRINDER/180MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC/180MM/2200W/CÔNG TẮC BÓP)	2.667.600	8%
761	M0921B	ANGLE GRINDER/230MM/2200W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC/230MM/2200W/CÔNG TẮC BÓP)	2.743.200	8%
762	M1100B	POWER PLANER/82MM)	MÁY BẢO/82MM)	4.242.240	8%
763	M1901B	POWER PLANER/82MM)	MÁY BẢO/82MM)	2.646.000	8%
764	M1902B	POWER PLANER/82MM)	MÁY BẢO/82MM)	2.041.200	8%
765	M2300B	COMPOUND MITER SAW/255MM)	MÁY CUA ĐÁ GÓC/255MM)	7.652.400	8%
766	M2400B	PORTABLE CUT-OFF/355MM/2000W)	MÁY CẮT SÀT/355MM/2000W)	4.849.200	8%
767	M2401B	CUT-OFF SAW/355MM/2000W)	MÁY CẮT SÀT/355MM/2000W)	4.168.800	8%
768	M2403B	PORTABLE CUT-OFF/355MM/2000W)	MÁY CẮT SÀT/355MM/2000W)	4.579.200	8%
769	M3600B	ROUTER/12.7MM/1/2")	MÁY PHAY/12.7MM/1/2")	4.222.800	8%
770	M3700B	TRIMMER/6.35MM/1/4")	MÁY ĐÁNH CÀNH/6.35MM/1/4")	1.846.800	8%
771	M3701B	TRIMMER/6.35MM/1/4")	MÁY ĐÁNH CÀNH/6.35MM/1/4")	1.846.800	8%
772	M4000B	BLOWER	MÁY THỔI	1.641.600	8%
773	M4001B	BLOWER	MÁY THỔI	2.155.680	8%
774	M4100B	CUTTER/1(10MM)	MÁY CẮT ĐÁ/GACH/1(10MM)	2.116.800	8%
775	M4101B	CUTTER/1(10MM)	MÁY CẮT ĐÁ/GACH/1(10MM)	2.149.200	8%
776	M4301B	JIG SAW	MÁY CUA LONG	2.160.000	8%
777	M4302B	JIG SAW	MÁY CUA LONG	2.960.280	8%
778	M4500B	RECIPRO SAW	MÁY CUA KIỂM	3.209.760	8%
779	M5801B	CIRCULAR SAW/185MM)	MÁY CUA ĐÁ/185MM)	2.527.200	8%
780	M6000B	DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN/1(10MM)	1.124.280	8%
781	M6001B	DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN/1(10MM)	1.350.000	8%
782	M6002B	DRILL/1(10MM)	MÁY KHOAN/1(10MM)	1.350.000	8%
783	M6200B	DRILL/1(13MM)	MÁY KHOAN/1(13MM)	2.461.320	8%
784	M6201B	DRILL/1(13MM)	MÁY KHOAN/1(13MM)	2.688.120	8%
785	M6500B	HIGH SPEED DRILL/6.5MM)	MÁY KHOAN TỐC ĐỘ CAO/6.5MM)	1.014.120	8%
786	M6501B	HIGH SPEED DRILL/6.5MM)	MÁY KHOAN TỐC ĐỘ CAO/6.5MM)	1.220.400	8%
787	M6600XB	MIXER	MÁY TRỘN SƠN	3.561.840	8%
788	M6901D001	CORDLESS IMPACT DRIVER/BL1815G*2-DC18WB/18V)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN/BL1815G*2-DC18WB/18V)	4.264.920	8%
789	M8100B	HAMMER DRILL/1(16MM)	MÁY KHOAN Búa/1(16MM)	1.944.000	8%
790	M8100KX2B	HAMMER DRILL/1(16MM)/26PCS/SET ACC)	MÁY KHOAN Búa/1(16MM)/26 CÀI PHỤ KIỆN)	1.814.400	8%
791	M8101B	HAMMER DRILL/1(16MM)	MÁY KHOAN Búa/1(16MM)	2.116.800	8%
792	M8103B	HAMMER DRILL/1(13MM)	MÁY KHOAN Búa/1(13MM)	1.566.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Giá thông thường	
				Retail price (W V A T)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
793	M8103K2B	HAMMER DRILL(13MM)(26PCS/SET ACC)	MÁY KHOAN BÚA(13MM)(26 CÀI PHỤ KIỆN)	1.512.000	8%
794	M8104B	HAMMER DRILL(13MM)	MÁY KHOAN BÚA(13MM)	1.706.400	8%
795	M8600B	DEMOLITION HAMMER	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG	5.367.600	8%
796	M8701B	COMBINATION HAMMER(SDS-PLUS SHANK/26MM)	MÁY KHOAN BÊ TÔNG 3 CHỨC NĂNG(CHUỐI GAI SDS-PLUS/26MM)	3.682.800	8%
797	M9000B	ANGLE GRINDER(180MM/2000W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(180MM/2000W/CÔNG TẮC BÓP)	3.445.200	8%
798	M9001B	ANGLE GRINDER(230MM/2000W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(230MM/2000W/CÔNG TẮC BÓP)	3.564.000	8%
799	M9002B	ANGLE GRINDER(125MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/1050W/CÔNG TẮC BÓP)	2.332.800	8%
800	M9003B	ANGLE GRINDER(150MM/1050W/TRIGGER SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(150MM/1050W/CÔNG TẮC BÓP)	2.440.800	8%
801	M9100B	DIE GRINDER(6MM)	MÁY MÀI KHUÔN(6MM)	1.771.200	8%
802	M9200B	FINISHING SANDER	MÁY CHÀ NHAM RUNG	1.566.000	8%
803	M9201B	FINISHING SANDER	MÁY CHÀ NHAM RUNG	1.566.000	8%
804	M9202B	RANDOM ORBIT SANDER	MÁY CHÀ NHAM QUỠ ĐẠO TRÒN	1.814.400	8%
805	M9203B	FINISHING SANDER	MÁY CHÀ NHAM RUNG	1.883.520	8%
806	M9204B	SANDER	MÁY CHÀ NHAM QUỠ ĐẠO TRÒN	2.041.200	8%
807	M9400B	BELT SANDER(100MMX610MM)	MÁY CHÀ NHAM BĂNG(100MMX610MM)	4.287.600	8%
808	M9504B	ANGLE GRINDER(100MM/720W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.436.400	8%
809	M9508B	ANGLE GRINDER(125MM/720W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/720W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.479.600	8%
810	M9509B	ANGLE GRINDER(100MM/850W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/850W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.479.600	8%
811	M9511B	ANGLE GRINDER(125MM/850W/SLIDE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(125MM/850W/CÔNG TẮC TRƯỢT)	1.522.800	8%
812	M9512B	ANGLE GRINDER(100MM/720W/TOGGLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/720W/CÔNG TẮC ĐUỐI)	1.350.000	8%
813	M9513B	ANGLE GRINDER(100MM/850W/TOGGLE SWITCH)	MÁY MÀI GÓC(100MM/850W/CÔNG TẮC ĐUỐI)	1.414.800	8%
814	M9800B	MULTI TOOL	MÁY ĐA NĂNG	2.246.400	8%
815	MLT100	TABLE SAW(255MM)	MÁY CƯA BÀN(255MM)	16.727.040	8%
816	MP001GZ	CORDLESS INFLATOR(40V MAX)	MÁY BƠM HƠI DÙNG PIN(40V MAX)	4.015.440	8%
817	MP1000DZ	CORDLESS INFLATOR(12V MAX)	MÁY BƠM HƠI DÙNG PIN(12V MAX)	2.225.720	8%
818	MR000GZ	CORDLESS JOB SITE RADIO(40V MAX/18V/14.4V/12V MAX/AC)	RADIO CÔNG SỞ DÙNG PIN VÀ ĐIỆN(40V MAX/18V/14.4V/12V MAX/AC)	8.755.560	8%
819	MR010GZ	CORDLESS RADIO WITH LANTERN(40V MAX)	RADIO KẾT HỢP ĐÈN LONG DÙNG PIN(40V MAX)	5.625.720	8%
820	MT980	MULTI TOOL	MÁY ĐA NĂNG	1.928.880	8%
821	MT980KX2	MULTI TOOL	MÁY ĐA NĂNG	3.244.320	8%
822	MT980X1	MULTI TOOL	MÁY ĐA NĂNG	2.291.760	8%
823	MW001GZ	CORDLESS MICRO WAVE(40V MAXX2)	LÒ VI SÓNG DÙNG PIN(40V MAXX2)	33.215.400	8%
824	N1900B	POWER PLANNER(82MM)	MÁY BAO(82MM)	4.469.040	8%
825	N3701	TRIMMER(6,35MM(1/4")	MÁY ĐANH CÀNH(6,35MM(1/4")	4.060.800	8%
826	N5900B	CIRCULAR SAW(235MM)	MÁY CƯA Đĩa(235MM)	5.097.600	8%
827	PB002GZ	CORDLESS PORTABLE BAND SAW(127X127MM/BL/40V MAX)	MÁY CƯA VÒNG DÙNG PIN(127X127MM/BL/40VMAX)	16.160.040	8%
828	PC5000C	CONCRETE PLANNER(125MM)	MÁY BAO BÊ TÔNG(125MM)	13.404.960	8%
829	PC5010C	CORDED CONCRETE PLANNER(125MM)	MÁY BAO BÊ TÔNG(125MM)	13.745.160	8%
830	PJ7000	PLATE JOINER(100MM)	MÁY GHEP MONG(100MM)	6.974.640	8%
831	PM001GL201	CORDLESS BACKPACK MIST BLOWER(BL/40V MAX)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(BL/40V MAX)	49.668.150	5%
832	PM001GT201	CORDLESS BACKPACK MIST BLOWER(BL/40V MAXX2)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(BL/40V MAXX2)	43.317.750	5%
833	PM001GZ	CORDLESS BACKPACK MIST BLOWER(BL/40V MAXX2)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(BL/40V MAXX2)	28.732.200	5%
834	PO5000C	RANDOM ORBIT POLISHER(125MM)	MÁY ĐANH BONG QUỠ ĐẠO(125MM)	9.095.760	8%
835	PP001GZK	CORDLESS HOLE PUNCHER(BL/40V MAX)	MÁY ĐÓT LỖ THUY LỤC DÙNG PIN(BL/40V MAX)	99.236.880	8%
836	PS001GZ	CORDLESS POLISHER SCRUBBER(BL/40V MAX)	MÁY CHÀ SÀN DÙNG PIN(BL/40V MAX)	20.412.000	8%
837	PT001GZ01	CORDLESS PIN NAILER(BL/40V MAX)	MÁY BÀN DINH DÙNG PIN(BL/40V MAX)	13.291.560	8%
838	PT3540VJY	CORDLESS PIN NAILER(12V MAX)	MÁY BÀN DINH DÙNG PIN(12V MAX)	12.951.360	8%
839	PT3540Z	CORDLESS PIN NAILER(12V MAX)	MÁY BÀN DINH DÙNG PIN(12V MAX)	10.830.240	8%
840	PV001GZ	CORDLESS POLISHER(180MM/BL/40V MAX)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(180MM/BL/40V MAX)	11.578.680	8%
841	PV301DSYE	CORDLESS SANDER POLISHER(12V MAX)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(12V MAX)	9.567.920	8%
842	PV301DZ	CORDLESS SANDER POLISHER(12V MAX)	MÁY ĐANH BONG DÙNG PIN(12V MAX)	7.780.320	8%
843	PV7001C	POLISHER(180MM)	MÁY ĐANH BONG(180MM)	7.700.400	8%
844	RM350D	ROBOTIC MOWER(240MM)(18V/INTERNAL BATTERY)	MÁY CẮT CỎ ROBOT DÙNG PIN(240MM)(18V/PINTÍCH HỢP)	97.127.640	8%
845	RM001GZ	CORDLESS ROUTER(12.7MM/1/2")AWS/BL/40V MAX)	MÁY PHAY(12.7MM/1/2")AWS/BL/40V MAX)	10.081.800	8%
846	RP0900	ROUTER(6,35MM(1/4")9,35MM(3/8")	MÁY PHAY(6,35MM(1/4")9,35MM(3/8")	3.640.680	8%
847	RP1801	ROUTER(12.7MM(1/2")	MÁY PHAY(12.7MM(1/2")	11.124.000	8%
848	RP1803F	ROUTER(12.7MM(1/2")	MÁY PHAY(12.7MM(1/2")	12.951.360	8%
849	RP2303FC	ROUTER(12.7MM(1/2")	MÁY PHAY(12.7MM(1/2")	14.549.760	8%
850	RS001GZ	CORDLESS REAR HANDLE SAW(185MM/BL/40V MAX)	MÁY CƯA ĐÁ TAY CẦM PHÍA SAU DÙNG PIN(185MM/BL/40V MAX)	8.052.480	8%
851	RS002GZ	CORDLESS REAR HANDLE SAW(260MM/BL/40V MAX)	MÁY CƯA ĐÁ TAY CẦM PHÍA SAU DÙNG PIN(260MM/BL/40V MAX)	11.205.000	8%
852	RT001GZ23	CORDLESS TRIMMER(BL/40V MAX)	MÁY ĐANH CÀNH DÙNG PIN(BL/40V MAX)	6.623.640	8%
853	RT1702C	TRIMMER(6,35MM(1/4")9,35MM(3/8")	MÁY ĐANH CÀNH(6,35MM(1/4")9,35MM(3/8")	4.038.120	8%
854	SC001GZK	CORDLESS STEEL ROD CUTTER(BL/40V MAX)	MÁY CHẸN SẮT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	79.721.280	8%
855	SC103DZ	CORDLESS THREADED ROD CUTTER(BL/12V MAX)	MÁY CẮT SẮT REN DÙNG PIN(BL/12V MAX)	17.759.520	8%
856	SD100DSYJ	CORDLESS DRYWALL SAW(12V MAX)	MÁY CẮT THẠCH CAO DÙNG PIN(12V MAX)	8.415.360	8%
857	SD100DZ	CORDLESS DRYWALL SAW(12V MAX)	MÁY CẮT THẠCH CAO DÙNG PIN(12V MAX)	6.192.720	8%
858	SC1215J	WALL CHASER(125MM)	MÁY CẮT TƯỜNG(125MM)	14.663.160	8%
859	SH401	SCROLL SAW(50W)	MÁY CƯA LONG BÀN(50W)	6.850.440	8%
860	SK103PZ	LINE-POINT LASER	MÁY CÁN MỤC LASER	8.661.600	8%
861	SK10GDZ	RECHARGEABLE GREEN MULTI LINE LASER(12V MAX)	MÁY CÁN MỤC LASER TIA XANH DÙNG PIN(12V MAX)	14.889.960	8%
862	SK20GDZ	RECHARGEABLE GREEN MULTI LINE LASER(12V MAX)	MÁY CÁN MỤC LASER TIA XANH DÙNG PIN(12V MAX)	18.110.520	8%
863	SK40GDZ	RECHARGEABLE GREEN MULTI LINE LASER(12V MAX)	MÁY CÁN MỤC LASER TIA XANH DÙNG PIN(12V MAX)	25.322.760	8%
864	SK700GD	RECHARGEABLE GREEN MULTI LINE LASER(12V MAX)	MÁY CÁN MỤC LASER TIA XANH DÙNG PIN(12V MAX)	21.195.000	8%
865	SP001GZ	CORDLESS PLUNGE CUT CIRCULAR SAW(165MM/GUIDERAIL WITHOUT ADAPTER/AWS/BL/40V MAX)	MÁY CƯA ĐÁ DÙNG PIN(165MM/CỐ THỂ GẮN TRỰC TIẾP THANH TRƯỢT/AWS/BL/40V MAX)	11.692.080	8%
866	SP6000	PLUNGE CUT CIRCULAR SAW	MÁY CƯA ĐÁ	12.591.360	8%
867	ST001GZ	CORDLESS STAPLER(STAPLER 4MM/BL/40V MAX)	MÁY BÀN DINH GHIM DÙNG PIN(DINH J 4MM/BL/40V MAX)	16.613.640	8%
868	ST002GZ	CORDLESS STAPLER(J STAPLER 10MM/BL/40V MAX)	MÁY BÀN DINH GHIM DÙNG PIN(DINH J 10MM/BL/40V MAX)	16.613.640	8%
869	TD001GZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	6.170.040	8%
870	TD002GD202	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	18.326.520	8%
871	TD002GZ01	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	8.279.280	8%
872	TD003GA201	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	13.745.160	8%
873	TD003GZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	4.706.640	8%
874	TD004GZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/40V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/40V MAX)	5.577.200	8%
875	TD0100	IMPACT DRIVER	MÁY BẮT VÍT	2.620.080	8%
876	TD0101	IMPACT DRIVER	MÁY BẮT VÍT	2.620.080	8%
877	TD0101H	IMPACT DRIVER	MÁY BẮT VÍT	2.733.480	8%
878	TD022DSE	CORDLESS IMPACT DRIVER(7.2V)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(7.2V)	4.615.920	8%
879	TD022DZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(7.2V)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(7.2V)	2.246.400	8%
880	TD090DWE	CORDLESS IMPACT DRIVER(10.8V)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(10.8V)	3.391.200	8%
881	TD090DZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(10.8V)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(10.8V)	1.407.240	8%
882	TD110DSAE	CORDLESS IMPACT DRIVER(12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	4.820.040	8%
883	TD110DSYE	CORDLESS IMPACT DRIVER(12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	4.158.000	8%
884	TD110DZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(12V MAX)	1.501.200	8%
885	TD111DSAJ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/12V MAX)	6.669.000	8%
886	TD111DZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(BL/12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(BL/12V MAX)	3.323.160	8%
887	TD112DNZ	CORDLESS IMPACT DRIVER(NZ TYPE/BL/12V MAX)	MÁY BẮT VÍT DÙNG PIN(NZ TYPE/BL/12V MAX)	4.174.200	8%
888	TL064DZ	CORDLESS ANGLE IMPACT DRIVER(12V MAX)	MÁY BẮT VÍT GÓC DÙNG PIN(12V MAX)	6.011.280	8%
889	TL065DZ	CORDLESS ANGLE IMPACT WRENCH(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG GÓC DÙNG PIN(12V MAX)	6.011.280	8%
890	TM001GZ01	CORDLESS MULTI TOOL(S/BL/40V MAX)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL/40V MAX)	9.628.200	8%
891	TM3000C	MULTI TOOL	MÁY ĐA NĂNG	3.970.080	8%
892	TM30DSYE	CORDLESS MULTI TOOL(12V MAX)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(12V MAX)	5.248.800	8%
893	TM30DZ	CORDLESS MULTI TOOL(12V MAX)	MÁY ĐA NĂNG DÙNG PIN(12V MAX)	3.323.160	8%
894	TR001GZ	CORDLESS REBAR TYING TOOL(BL/40V MAX)	MÁY BƯỚC DÂY THÉP DÙNG PIN(BL/40V MAX)	44.226.000	8%
895	TW001GCM201	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM/BL/40V MAX)	25.663.960	8%
896	TW001GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM/BL/40V MAX)	12.259.080	8%
897	TW002GCM201	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/BL/40VMAX)	27.590.760	8%
898	TW002GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/BL/40VMAX)	13.960.080	8%
899	TW003GCM201	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/BL/40VMAX)	26.535.600	8%
900	TW003GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/BL/40VMAX)	13.042.080	8%
901	TW004GD201	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/SHOULDER BELT/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/ĐÁY ĐEO/BL/40VMAX)	19.936.800	8%
902	TW004GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/SHOULDER BELT/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/ĐÁY ĐEO/BL/40VMAX)	8.164.800	8%
903	TW007GD202	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/SHOULDER BELT-RING/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/ĐÁY ĐEO TRÊN THÂN MÀY/BL/40VMAX)	20.387.800	8%
904	TW007GZ02	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/SHOULDER BELT-RING/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/ĐÁY ĐEO TRÊN THÂN MÀY/BL/40VMAX)	8.370.000	8%
905	TW009GT201	CORDLESS IMPACT WRENCH(25.4MM/SHORT ANVIL/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(25.4MM/CỐT NGÀN/BL/40V MAX)	38.942.640	8%
906	TW009GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(25.4MM/SHORT ANVIL/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(25.4MM/CỐT NGÀN/BL/40V MAX)	24.052.680	8%
907	TW010GT201	CORDLESS IMPACT WRENCH(25.4MM/LONG ANVIL/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(25.4MM/CỐT ĐÀIL/BL/40V MAX)	40.087.440	8%
908	TW010GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(25.4MM/LONG ANVIL/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(25.4MM/CỐT ĐÀIL/BL/40V MAX)	24.631.560	8%
909	TW011GCM201	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM/BL/40V MAX)	31.676.000	8%
910	TW011GZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(19MM/BL/40V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(19MM/BL/40V MAX)	13.608.000	8%
911	TW0200	IMPACT WRENCH(12.7MM)	MÁY SIẾT BU LÔNG(12.7MM)	8.370.000	8%
912	TW0350	IMPACT WRENCH(12.7MM)	MÁY SIẾT BU LÔNG(12.7MM)	9.968.400	8%
913	TW060DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(6.35MM)(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(6.35MM)(12V MAX)	1.543.320	8%
914	TW1000	IMPACT WRENCH(25.4MM)	MÁY SIẾT BU LÔNG(25.4MM)	25.322.760	8%
915	TW100DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM)(10.8V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM)(10.8V)	1.293.840	8%
916	TW140DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM)(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM)(12V MAX)	1.543.320	8%
917	TW141DSAE	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)(12V MAX)	5.046.340	8%
918	TW141DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)(12V MAX)	1.634.040	8%
919	TW160DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(9.5MM/BL/12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(9.5MM/BL/12V MAX)	3.584.520	8%
920	TW161DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM/BL/12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM/BL/12V MAX)	3.640.680	8%



BẢNG GIÁ BÁN MÁY MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Giá thông thường	
				Retail price (W V A T)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/NĐ-CP
921	TW202D001	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)(18V)	6.147.360	8%
922	TW202DZ	CORDLESS IMPACT WRENCH(12.7MM)(18V)	MÁY SIẾT BU LÔNG DÙNG PIN(12.7MM)(18V)	2.246.400	8%
923	UA003GZ01	CORDLESS POLE SAW(300MM)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(300MM)(BL)(40V)	15.582.240	8%
924	UA004GZ01	CORDLESS POLE SAW(300MM)(TELESCOPIC PIPE)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA CÀNH TRÊN CAO DÙNG PIN(300MM)(ĐIỀU CHỈNH)(BL)(40V)	21.081.600	8%
925	UB001CZ	BATTERY POWERED BLOWER(CONNECTOR TYPE)(BL)	MÁY THỔI DUNG PIN(CHỈ DÙNG CHUNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)(BL)	11.681.280	8%
926	UB001GZ	CORDLESS BLOWER(BL)(40V MAX)	MÁY THỔI DUNG PIN(BL)(40V MAX)	7.791.120	8%
927	UB002CZ01	CORDLESS BACKPACK BLOWER(CONNECTOR TYPE)(BL)	MÁY THỔI ĐEO VAI DÙNG PIN(CHỈ DÙNG CHUNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)(BL)	19.596.600	8%
928	UB002GZ	CORDLESS BLOWER(40V MAX)	MÁY THỔI DUNG PIN(40V MAX)	3.130.920	8%
929	UB003CZ	BATTERY POWERED BLOWER(CONNECTOR TYPE)(BL)	MÁY THỔI DUNG PIN(CHỈ DÙNG CHUNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)(BL)	12.599.280	8%
930	UB003GZ	CORDLESS BLOWER(BL)(40V MAX)	MÁY THỔI DUNG PIN(BL)(40V MAX)	13.089.600	8%
931	UB004CZ	BATTERY POWERED BLOWER(CONNECTOR TYPE)(BL)	MÁY THỔI DUNG PIN(CHỈ DÙNG CHUNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)(BL)	21.762.000	8%
932	UB100DZ	CORDLESS BLOWER(12V MAX)	MÁY THỔI DUNG PIN(12V MAX)	1.985.040	8%
933	UB101DZ	CORDLESS BLOWER(GARDEN NOZZLE)(12V MAX)	MÁY THỔI DUNG PIN(ÔNG THOI SÂN VƯỜN)(12V MAX)	2.268.000	8%
934	UB1103	BLOWER	MÁY THỔI	2.778.840	8%
935	UC004GZ	CORDLESS CHAIN SAW(350MM)(90PX)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(350MM)(90PX)(BL)(40V MAX)	10.751.400	8%
936	UC007GZ	CORDLESS CHAIN SAW(NO SAW CHAIN/SPROCKET 3/8"BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(KHÔNG KÉM ĐÁY XÍCH/BƯỚC RĂNG 3/8"BL)(40V MAX)	9.640.080	8%
937	UC012GZ	CORDLESS CHAIN SAW(400MM)(80TXL)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(400MM)(80TXL)(BL)(40V MAX)	13.631.760	8%
938	UC016GZ	CORDLESS CHAIN SAW(400MM)(80TXL)TOOL LESS)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(400MM)(80TXL)(KHÔNG CẦN DÙNG CỤ)(BL)(40V MAX)	13.631.760	8%
939	UC020GZ	CORDLESS CHAIN SAW(NO SAW CHAIN/SPROCKET 3/8"BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(KHÔNG KÉM ĐÁY XÍCH/BƯỚC RĂNG 3/8"BL)(40V MAX)	12.247.200	8%
940	UC022GZ	CORDLESS CHAIN SAW(350MM)(80TXL)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(350MM)(80TXL)(BL)(40V MAX)	13.404.960	8%
941	UC029GZ01	CORDLESS PRUNING SAW(150MM)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(150MM)(BL)(40V MAX)	7.099.920	8%
942	UC030GZ	CORDLESS CHAINSAW(300MM)(95TXL)(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(300MM)(95TXL)(BL)(40V MAX)	18.597.600	8%
943	UC031GZ	CORDLESS CHAIN SAW(BL)(40V MAX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	10.432.800	8%
944	UC100DW001	CORDLESS PRUNING SAW(100MM)(BL)(12V MAX)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(100MM)(BL)(12V MAX)	7.382.880	8%
945	UC100DZ01	CORDLESS PRUNING SAW(100MM)(BL)(12V MAX)	MÁY CUA CÀNH DÙNG PIN(100MM)(BL)(12V MAX)	5.443.200	8%
946	UC3041A	CHAIN SAW(300MM)(90PX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG ĐIỆN(300MM)(90PX)	4.536.000	8%
947	UC4041A	CHAIN SAW(400MM)(90PX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG ĐIỆN(400MM)(90PX)	10.824.000	8%
948	UC451A	CHAIN SAW(450MM)(91PX)	MÁY CUA XÍCH DÙNG ĐIỆN(450MM)(91PX)	7.337.520	8%
949	UE001GZ	CORDLESS EDGER(BL)(40V MAX)	MÁY TIA MÈP DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	12.599.280	8%
950	UH004GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	12.259.080	8%
951	UH005GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(750MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)(BL)(40V MAX)	12.032.280	8%
952	UH006GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	11.397.240	8%
953	UH007GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(750MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)(BL)(40V MAX)	12.032.280	8%
954	UH008GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	10.824.000	8%
955	UH009GZ01	CORDLESS HEDGE TRIMMER(750MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)(BL)(40V MAX)	11.578.680	8%
956	UH013GZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	14.968.800	8%
957	UH014GZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(750MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(750MM)(BL)(40V MAX)	15.876.000	8%
958	UH020GZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(500MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(500MM)(BL)(40V MAX)	7.916.400	8%
959	UH021GZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	8.143.200	8%
960	UH1201DSY	CORDLESS HEDGE TRIMMER(12V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(12V MAX)	3.970.080	8%
961	UH1201DWAX	CORDLESS HEDGE TRIMMER(12V MAX)	MÁY CẮT TIA HANG RAO DÙNG PIN(12V MAX)	10.824.000	8%
962	UH1201DZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(12V MAX)	MÁY CẮT TIA HANG RAO DÙNG PIN(12V MAX)	2.110.320	8%
963	UH1502	HEADGE TRIMMER(350MM)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG ĐIỆN(350MM)	2.778.840	8%
964	UM110D001	CORDLESS GRASS SHEAR(110MM)(BL)(1815G*1+DC18WB)(18V)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(110MM)(BL)(1815G*1+DC18WB)(18V)	3.675.240	8%
965	UM600DSYE	CORDLESS HEDGE TRIMMER(12V MAX)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(12V MAX)	5.387.040	8%
966	UM600DZ	CORDLESS HEDGE TRIMMER(12V MAX)	MÁY TIA CỎ DÙNG PIN(12V MAX)	2.506.680	8%
967	UN001GZ	CORDLESS POLE HEDGE TRIMMER(600MM)(BL)(40V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(600MM)(BL)(40V MAX)	14.663.160	8%
968	UN460WDZ	CORDLESS POLE HEDGE TRIMMER(460MM)(BL)(12V MAX)	MÁY TIA HANG RAO DÙNG PIN(460MM)(BL)(12V MAX)	14.632.680	8%
969	UP100DZ	CORDLESS PRUNING SHEAR(BL)(12V MAX)	MÁY CẮT CÀNH DÙNG PIN(BL)(12V MAX)	28.634.040	8%
970	UR002GZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	10.886.400	8%
971	UR006GZ02	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	12.145.680	8%
972	UR007GZ01	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	11.113.200	8%
973	UR012GZ02	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAXX2)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAXX2)	22.465.080	8%
974	UR013GZ01	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	16.035.840	8%
975	UR014GZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	14.889.960	8%
976	UR016GZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(BL)(40V MAX)	10.208.600	8%
977	UR017GZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(LOOP HANDLE)(BL)(40V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(TAY CÀM VÒNG)(BL)(40V MAX)	9.413.280	8%
978	UR100DWYE	CORDLESS GRASS TRIMMER(12V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(12V MAX)	5.500.440	8%
979	UR100DZ	CORDLESS GRASS TRIMMER(12V MAX)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(12V MAX)	3.277.800	8%
980	UR101CZ	BATTERY POWERED GRASS TRIMMER(CONNECTOR TYPE)(BL)	MÁY CẮT CỎ DÙNG PIN(CHỈ DÙNG CHUNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)(BL)	15.310.080	8%
981	US053DZ	CORDLESS GARDEN SPRAYER(5L)(12V MAX)	MÁY PHUN THUỐC DÙNG PIN(5L)(12V MAX)	5.149.200	5%
982	UT001GZ	CORDLESS MIXER/SHAF HOLDER(BL)(40V MAX)	MÁY TRỘN SƠN DÙNG PIN(CHUỐI TRÚC)(BL)(40V MAX)	14.889.960	8%
983	UT002GZ	CORDLESS MIXER(13MM)(DRILL CHUCK)(BL)(40V MAX)	MÁY TRỘN SƠN DÙNG PIN(13MM)(CHUỐI KÉP)(BL)(40V MAX)	13.982.760	8%
984	UT1305	MIXER	MÁY TRỘN SƠN	7.859.160	8%
985	UT2204	MIXER	MÁY TRỘN SƠN	6.959.520	8%
986	UV001GZ	CORDLESS SCARIFIER(380MM)(BL)(40V MAX)	MÁY XOI CỎ DÙNG PIN(380MM)(BL)(40V MAX)	24.052.680	8%
987	UX01GZ	CORDLESS MULTI FUNCTION POWER HEAD(BL)(40V MAX)	MÁY LÂM VƯỜN ĐA NĂNG DÙNG PIN(BL) 40V MAX	8.596.800	8%
988	VC001GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(WET&DRY)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(ƯỚT&KHỎ)(BL)(40V MAX)	15.015.240	8%
989	VC002GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(DRY)(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHỎ)(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	20.163.600	8%
990	VC003GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(WET&DRY)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(ƯỚT&KHỎ)(BL)(40V MAX)	15.335.440	8%
991	VC004GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(DRY)(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHỎ)(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	20.503.800	8%
992	VC005GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(DRY)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(KHỎ)(BL)(40V MAX)	16.386.840	8%
993	VC006GMZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(WET&DRY)(3L/AWS)(BL)(40V MAXx2)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(WET&DRY)(3L/AWS)(BL)	35.392.680	8%
994	VC007GLZ	CORDLESS VACUUM CLEANER(WET&DRY)(4L/AWS)(BL)(40V MAXx2)	MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN(WET&DRY)(4L/AWS)(BL)	35.392.680	8%
995	VC008GZ	CORDLESS BACKPACK VACUUM CLEANER(HEPA)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DÙNG PIN(HEPA)(BL)(40V MAX)	11.113.200	8%
996	VC009GZ	CORDLESS BACKPACK VACUUM CLEANER(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DÙNG PIN(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	10.978.200	8%
997	VC010GZ	CORDLESS UPRIGHT CLEANER(HEPA)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI THANG DÙNG DÙNG PIN(HEPA)(BL)(40V MAX)	19.471.320	8%
998	VC011GZ	CORDLESS BACKPACK VACUUM CLEANER(HEPA)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DÙNG PIN(HEPA)(BL)(40V MAX)	14.209.560	8%
999	VC012GZ	CORDLESS BACKPACK VACUUM CLEANER(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DÙNG PIN(HEPA/AWS)(BL)(40V MAX)	14.549.760	8%
1000	VC014GLZ	CORDLESS PORTABLE VACUUM CLEANER(WET&DRY)(HEPA/AWS)(7.5L)(BL)(40V MAX)	MÁY HÚT BỤI ĐA NĂNG DÙNG PIN(ƯỚT&KHỎ)(HEPA/AWS)(7.5L)(BL)(40V MAX)	9.072.000	8%
1001	VC1310LX1	VACUUM CLEANER(WET&DRY)	MÁY HÚT BỤI(ƯỚT&KHỎ)	12.599.280	8%
1002	VC2000L	VACUUM CLEANER(WET&DRY)	MÁY HÚT BỤI(ƯỚT&KHỎ)	7.813.800	8%
1003	VC3210LX1	VACUUM CLEANER(WET&DRY)	MÁY HÚT BỤI(ƯỚT&KHỎ)	15.582.240	8%
1004	VR001CZ	CORDLESS CONCRETE VIBRATOR(43MM/1.5M)(CONNECTOR TYPE)	MÁY ĐÀM DÙI BÊ TÔNG DÙNG PIN(43MM/1.5M)(CHỈ DÙNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)	36.738.320	8%
1005	VR001GZ	CORDLESS CONCRETE VIBRATOR(43MM/1.5M)(BL)(40V MAX)	MÁY ĐÀM DÙI BÊ TÔNG DÙNG PIN(43MM/1.5M)(BL)(40V MAX)	4.978.800	8%
1006	VR002CZ	CORDLESS CONCRETE VIBRATOR(43MM/3M)(CONNECTOR TYPE)	MÁY ĐÀM DÙI BÊ TÔNG DÙNG PIN(43MM/3M)(CHỈ DÙNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)	82.465.560	8%
1007	VR003CZ	CORDLESS CONCRETE VIBRATOR(52MM/1.5M)(CONNECTOR TYPE)	MÁY ĐÀM DÙI BÊ TÔNG DÙNG PIN(52MM/1.5M)(CHỈ DÙNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)	77.884.200	8%
1008	VR004CZ	CORDLESS CONCRETE VIBRATOR(52MM/1.5M)(CONNECTOR TYPE)	MÁY ĐÀM DÙI BÊ TÔNG DÙNG PIN(52MM/3M)(CHỈ DÙNG VỚI BỐ CÁP NGUỒN)	83.610.360	8%
1009	V5001GZ	CORDLESS VACUUM SWEEPER(BL)(40V)	MÁY QUÉT RÁC ĐÁY TAY DÙNG PIN(BL)(40V)	49.250.160	8%
1010	WR100DSA	CORDLESS RATCHET WRENCH(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG XUYỀN TÂM DÙNG PIN(12V MAX)	5.943.240	8%
1011	WR100DZ	CORDLESS RATCHET WRENCH(12V MAX)	MÁY SIẾT BU LÔNG XUYỀN TÂM DÙNG PIN(12V MAX)	4.514.400	8%
1012	W1001GZ	CORDLESS SHEAR WRENCH (BL) (40V MAX)	MÁY SIẾT CÁT BU LÔNG DÙNG PIN (BL)(40V MAX)	67.575.600	8%